

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

---



# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: LUẬT**

**Sinh viên : Trần Phương Anh**

**HẢI PHÒNG – 2024**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NGHIÊN CỨU VÀ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH  
SỰ VIỆT NAM VỀ NHÓM TỘI XÂM PHẠM TÍNH  
MẠNG CON NGƯỜI

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: LUẬT

Sinh viên: Trần Phương Anh  
Giảng viên hướng dẫn: TS. Lương Thị Kim Dung

HẢI PHÒNG – 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Trần Phương Anh

Mã SV: 2012901004

Lớp : PL2401K

Ngành : Luật

Tên đề tài: Nghiên cứu và hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam về nhóm tội xâm phạm tính mạng con người.

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

## 1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp.

Nghiên cứu những vấn đề lý luận về nhóm tội phạm xâm phạm tính mạng con người trong pháp luật hình sự Việt Nam.

Nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của nhóm tội danh xâm phạm tính mạng con người qua các Bộ luật hình sự Việt Nam đồng thời phân tích thực trạng các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về nhóm tội phạm trên.

Phân tích được các vụ án trên thực tế, chỉ ra những tồn tại, bất cập của pháp luật hiện hành để từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và những giải pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả bảo đảm thi hành.

## 2. Các tài liệu, số liệu cần thiết.

Hiến Pháp Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Bộ luật hình sự Việt Nam.

Các bản án, án lệ.

## 3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công Ty Luật Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Duyên Hải

Tên giao dịch: Công ty Luật Duyên Hải

Địa chỉ trụ sở: LK 07-13 Dự án Hoàng Huy Riverside, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

## MỤC LỤC

|                 |    |
|-----------------|----|
| LỜI CẢM ƠN..... | 04 |
|-----------------|----|

### PHẦN MỞ ĐẦU

|                                         |    |
|-----------------------------------------|----|
| 1. Tính cấp thiết của đề tài.....       | 05 |
| 2. Mục đích nghiên cứu.....             | 06 |
| 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu..... | 07 |
| 4. Phương pháp nghiên cứu.....          | 07 |
| 5. Nội dung của khóa luận.....          | 08 |

### CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM TÍNH MẠNG CON NGƯỜI TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM.

|                                                                                                                                               |    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 1.1 Khái niệm của các tội xâm phạm tính mạng con người.....                                                                                   | 09 |
| 1.2 Dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm tính mạng con người.....                                                                            | 11 |
| 1.2.1 Khách thể của các tội xâm phạm tính mạng con người.....                                                                                 | 11 |
| 1.2.2 Mặt khách quan của các tội xâm phạm tính mạng con người.....                                                                            | 11 |
| 1.2.3 Mặt chủ quan của các tội xâm phạm tính mạng con người.....                                                                              | 15 |
| 1.2.4 Chủ thể của các tội xâm phạm tính mạng con người.....                                                                                   | 16 |
| 1.3 Chế tài đối với các tội xâm phạm tính mạng con người.....                                                                                 | 18 |
| 1.3.1 Các hình phạt chính.....                                                                                                                | 19 |
| 1.3.2 Các hình phạt bổ sung.....                                                                                                              | 27 |
| 1.4. Quá trình hình thành và phát triển của chế định các nhóm tội xâm phạm tính mạng con người trong pháp luật hình sự Việt Nam.....          | 29 |
| 1.4.1 Những điểm mới về quy định các tội xâm phạm tính mạng của con người trong Bộ luật hình sự năm 1999 so với Bộ luật hình sự năm 1985..... | 30 |

|                                                                                                                                                                         |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 1.4.2 Những điểm mới về quy định các tội xâm phạm tính mạng của con người trong Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 so với Bộ luật hình sự năm 1999..... | 32 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|

|                               |           |
|-------------------------------|-----------|
| <b>Tiểu kết Chương 1.....</b> | <b>34</b> |
|-------------------------------|-----------|

## **CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM TÍNH MẠNG CON NGƯỜI.**

|                                                                                                       |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 2.1 Pháp luật hình sự Việt Nam đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội xâm phạm tính mạng con người..... | 35 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|

|                                                                    |    |
|--------------------------------------------------------------------|----|
| 2.2 Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội giết người..... | 37 |
|--------------------------------------------------------------------|----|

|                                                                                 |  |
|---------------------------------------------------------------------------------|--|
| 2.3 Quy định pháp luật hình sự Việt Nam về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ...50 |  |
|---------------------------------------------------------------------------------|--|

|                                                                                                             |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 2.4 Quy định pháp luật hình sự Việt Nam về tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh..... | 52 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|

|                                                                                                                                                                   |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 2.5 Quy định pháp luật hình sự Việt Nam về tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội..... | 55 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|

|                                                                                               |    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 2.6 Quy định pháp luật hình sự Việt Nam về tội làm chết người trong khi thi hành công vụ..... | 58 |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----|

|                                                                         |    |
|-------------------------------------------------------------------------|----|
| 2.7 Quy định pháp luật hình sự Việt Nam về tội vô ý làm chết người..... | 60 |
|-------------------------------------------------------------------------|----|

|                                                                                                                                |    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 2.8 Quy định pháp luật hình sự Việt Nam về tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính..... | 61 |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|

|                                                            |    |
|------------------------------------------------------------|----|
| 2.9 Quy định pháp luật hình sự Việt Nam về tội bức tử..... | 63 |
|------------------------------------------------------------|----|

|                                                                                           |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 2.10 Quy định pháp luật hình sự Việt Nam về tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát..... | 65 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|----|

|                                                                                                                                                          |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 2.11 Quy định pháp luật hình sự Việt Nam về tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng.....                                | 67        |
| 2.12 Quy định pháp luật hình sự Việt Nam về tội đe dọa giết người.....                                                                                   | 68        |
| 2.13 Những hạn chế bất cập trong các quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam hiện hành về nhóm tội xâm phạm tính mạng con người.....                       | 71        |
| <b>Tiểu kết Chương 2.....</b>                                                                                                                            | <b>81</b> |
| <b>CHƯƠNG 3. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC THI CÁC TỘI XÂM PHẠM TÍNH MẠNG CON NGƯỜI.</b>      |           |
| 3.1 Đề xuất các giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam về nhóm tội phạm xâm phạm tính mạng con người.....                              | 82        |
| 3.2 Đề xuất các giải pháp bảo đảm thực thi nhóm tội phạm xâm phạm tính mạng con người.....                                                               | 88        |
| 3.2.1 Nâng cao trình độ, đạo đức của đội ngũ thẩm phán, cán bộ, công chức tòa án nhân dân.....                                                           | 89        |
| 3.2.2 Tuyên truyền pháp luật, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của công dân và phòng ngừa, đấu tranh với loại tội phạm xâm phạm tính mạng con người... | 91        |
| 3.2.3 Đề xuất những giải pháp phòng ngừa giảm thiểu tỉ lệ trẻ vị thành niên phạm tội xâm phạm tính mạng con người.....                                   | 94        |
| <b>Tiểu kết Chương 3.....</b>                                                                                                                            | <b>97</b> |
| <b>KẾT LUẬN.....</b>                                                                                                                                     | <b>98</b> |
| <b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>                                                                                                                  | <b>99</b> |

## LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên, em xin gửi lời cảm ơn chân thành cũng như sự tri ân sâu sắc đến giáo viên hướng dẫn - **TS. Lương Thị Kim Dung** đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo em trong suốt quá trình làm khóa luận tốt nghiệp. Nhờ sự tận tâm, dìu dắt của cô, em đã hoàn thành được đồ án này một cách tốt nhất.

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban Giám hiệu nhà trường **Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng**, các quý thầy cô giáo trong khoa Luật đã truyền đạt kiến thức và kỹ năng cho em trong suốt quá trình học tập.

Với điều kiện về thời gian cũng như lượng kiến thức về đề tài rất rộng mà kinh nghiệm còn hạn chế của một sinh viên, đề án này không thể tránh được những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của các thầy cô để em có điều kiện bổ sung, nâng cao ý thức của mình, phục vụ tốt hơn công tác thực tế sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

### **1. Tính cấp thiết của đề tài.**

Trải qua mấy nghìn năm lịch sử, Nhân dân Việt Nam lao động cần cù, sáng tạo, đấu tranh anh dũng để dựng nước và giữ nước, đã hun đúc nên truyền thống yêu nước, đoàn kết, nhân nghĩa, kiên cường, bất khuất và xây dựng nên nền văn hiến Việt Nam. Trong bối cảnh hiện nay, cuộc cách mạng 4.0 đã và đang tác động lên toàn cầu, đến các quốc gia, chính phủ, doanh nghiệp và các cá nhân; tạo ra những thay đổi đáng kể trong đời sống sinh hoạt và làm việc của con người. Hòa chung với xu thế hội nhập của thế giới, cuộc cách mạng này đem lại cho Việt Nam rất nhiều cơ hội và thách thức. Việc tiếp cận những thành tựu cách mạng sản xuất mới sẽ tạo ra công cụ đắc lực giúp Việt Nam tham gia hiệu quả chuỗi giá trị toàn cầu và đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đi cùng với sự phát triển kinh tế đó, những giá trị nhân thân luôn là vấn đề được đặt ra. Tính mạng là thứ quan trọng và quý giá nhất của mỗi người nhưng luôn đứng trước nguy cơ bị xâm phạm từ xưa đến nay, tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng, quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Xuyên suốt quá trình xây dựng và phát triển đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn chú trọng xây dựng những chủ trương, đường lối và hệ thống pháp luật vững chắc để bảo vệ quyền được sống của con người. Hiến pháp Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam năm 2013 đã nêu rõ về sự tôn trọng và bảo vệ quyền được sống của con người. Cụ thể Điều 19 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật.” Và Khoản 1 Điều 20 Hiến pháp năm 2013 quy định: “1. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm.”

Con người là vốn quý của xã hội, là đối tượng hàng đầu được pháp luật nói chung, Luật hình sự nói riêng bảo vệ đặc biệt. Bảo vệ con người - trước hết là bảo vệ tính

mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và tự do của họ, vì đó là những vấn đề có ý nghĩa quan trọng hàng đầu đối với bất kỳ một con người nào.

Trong những năm vừa qua, tội phạm liên quan đến hành vi xâm phạm tính mạng của con người nói chung và giết người nói riêng ngày càng gia tăng, với nhiều thủ đoạn tinh vi xảo quyệt, tội phạm liên quan đến hành vi này có sự chuẩn bị trước, nhiều tổ chức tội phạm này diễn ra đã gây nhiều hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Thời gian gần đây tội phạm này có xu hướng gia tăng, diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng lớn đến an ninh và trật tự chung của xã hội từ chủ thể thực hiện tội phạm như: Vụ án Lê Văn Luyện giết người, cướp của ở Bắc Giang năm 2011; vụ án Nguyễn Hải Dương thảm sát 06 người trong một gia đình ở Bình Phước năm 2015. Đây đều là những vụ án đặc biệt nghiêm trọng, gây hoang mang lớn trong dư luận.

Chế định nhóm tội phạm xâm phạm tính mạng con người đã được ghi nhận và được quy định trong bộ luật hình sự đầu tiên năm 1985, trải qua nhiều lần sửa đổi Bộ luật hình sự năm 1999 đến Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Mặc dù có pháp luật bảo vệ nhưng các tội phạm xâm phạm tính mạng con người ngày càng gia tăng, người phạm tội có thủ đoạn tinh vi, tính chất côn đồ, bên cạnh đó có nhiều hình phạt chưa tương xứng với hành vi tội phạm nên cần có chế tài nghiêm hơn đối với loại tội phạm này. Thực tiễn xét xử các vụ án xâm phạm tính mạng của con người cho thấy một số cơ quan tiến hành tố tụng còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc định tội danh, định khung hình phạt.

Nhận thấy nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn nhóm tội xâm phạm tính mạng của con người là cần thiết, thông qua việc nghiên cứu này có thể tìm ra hướng hoàn thiện những quy định của pháp luật hình sự trong việc góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm xâm phạm tính mạng của con người. Điều này đã đặt ra yêu cầu ***Nghiên cứu và hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam về nhóm tội xâm phạm tính mạng con người.***

## **2. Mục đích nghiên cứu.**

Mục đích của việc nghiên cứu đề tài này là làm sáng tỏ các vấn đề lý luận và thực tiễn về các tội xâm phạm tính mạng con người trong luật hình sự Việt Nam. Từ đó có những đánh giá về những ưu điểm và hạn chế trong quy định về các tội xâm phạm

tính mạng con người ở Việt Nam và đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về nhóm tội danh xâm phạm tính mạng con người.

Thứ nhất: Đề tài nghiên cứu và làm rõ các vấn đề về khái niệm, đặc điểm của nhóm tội xâm phạm tính mạng con người.

Thứ hai: Nghiên cứu và làm rõ quy định về các tội xâm phạm tính mạng con người theo pháp luật hình sự hiện hành.

Thứ ba: Nghiên cứu và làm rõ thực tiễn áp dụng pháp luật về các tội xâm phạm tính mạng con người, đánh giá ưu điểm, hạn chế và đề xuất các giải pháp khắc phục hạn chế.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.**

Đối tượng nghiên cứu của khóa luận là nhóm tội phạm xâm phạm tính mạng con người từ Điều 123 đến Điều 133 Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tội xâm phạm tính mạng con người là một trong những loại tội phạm gây ảnh hưởng rất lớn tới tình hình an ninh và trật tự chung của xã hội. Để định tội danh cho đúng người, đúng tội có ý nghĩa rất to lớn về mặt chính trị - xã hội.

Phạm vi nghiên cứu: Pháp luật về nhóm tội xâm phạm tính mạng con người ở Việt Nam là một đề tài rộng. Trong nội dung nghiên cứu của khóa luận, tập trung nghiên cứu một số vấn đề lý luận cơ bản của pháp luật về nhóm tội phạm này ở Việt Nam, chỉ ra những điểm hợp lý và bất cập trong việc thực hiện các quy định về vấn đề này trong thực tiễn. Đề tài đi sâu nghiên cứu về định rõ đúng người phạm tội và đúng loại tội phạm và tập trung nghiên cứu sâu hơn để chỉ ra những vướng mắc bất cập đặc biệt liên quan đến nhóm tội xâm phạm tính mạng con người, từ đó đề ra những giải pháp nhằm hoàn thiện hơn các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về nhóm tội phạm này.

### **4. Phương pháp nghiên cứu.**

Khóa luận sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích các quy định của pháp luật Việt Nam về các tội xâm phạm tính mạng con người. Phương pháp phân tích và tổng hợp được sử dụng trong toàn bộ nội dung khóa luận, từ nghiên cứu lý luận, đánh giá thực trạng, chỉ ra những bất cập, nguyên nhân từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện

pháp luật cũng như nâng cao hiệu quả thi hành về các tội xâm phạm tính mạng con người theo pháp luật hình sự Việt Nam.

## **5. Nội dung của khóa luận.**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo thì nội dung của Khóa luận được kết cấu thành 3 chương chính bao gồm:

***Chương 1.** Một số vấn đề lý luận về các tội xâm phạm tính mạng con người trong pháp luật hình sự Việt Nam.*

***Chương 2.** Thực trạng pháp luật hình sự Việt Nam về các tội xâm phạm tính mạng con người.*

***Chương 3.** Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam và giải pháp bảo đảm thực thi các tội xâm phạm tính mạng con người.*

# **CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM TÍNH MẠNG CON NGƯỜI TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM.**

## **1.1 Khái niệm của các tội xâm phạm tính mạng con người.**

Các tội xâm phạm tính mạng của con người là các hành vi nguy hiểm cho xã hội, có lỗi, xâm phạm đến quan hệ nhân thân mà nội dung là quyền sống, quyền được bảo vệ tính mạng của con người.

Đối tượng tác động của các tội phạm này là con người. [01]

Các tội phạm cụ thể xâm phạm tính mạng của con người theo Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 hiện hành bao gồm: Tội giết người (Điều 123); Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ (Điều 124); Tội giết người trong tình trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 125); Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt người phạm tội (Điều 126); Tội làm chết người trong khi thi hành công vụ (Điều 127); Tội vô ý làm chết người (Điều 128); Tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính (Điều 129); Tội bức tử (Điều 130); Tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát (Điều 131); Tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng (Điều 132); Tội đe dọa giết người (Điều 133).

Các tội xâm phạm tính mạng là những hành vi (hành động hoặc không hành động) có lỗi (cố ý hoặc vô ý) xâm phạm quyền được tôn trọng và bảo vệ về tính mạng của người khác.

Các tội phạm xâm phạm tính mạng của con người là các tội quy định đối với những người (có năng lực trách nhiệm hình sự) thực hiện những hành vi một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm tới quyền được Hiến pháp và pháp luật hình sự ghi nhận và bảo vệ.

Trong đó, lỗi vô ý là trường hợp người phạm tội tuy thấy trước được hành vi của mình có khả năng gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội nhưng cho rằng hậu quả đó sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn ngừa được; hoặc trường hợp người phạm tội không thấy trước được hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội, mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước hậu quả đó. Ngược lại với lỗi vô ý là lỗi

cố ý. Đây là trường hợp người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và để hậu quả đó xảy ra.

Các tội xâm phạm tính mạng con người là hành vi cố ý hoặc vô ý gây ra cái chết cho người khác một cách trái pháp luật, do người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 14 tuổi trở lên thực hiện.

- Hành vi đúng luật: Hành vi gây ra cái chết cho người khác được pháp luật cho phép (phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết, gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội, thi hành án tử hình người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng...)
- Hành vi trái luật: Hành vi giết người, hành vi làm chết người trong khi thi hành công vụ, hành vi vô ý làm chết người, hành vi bức tử, hành vi xúi giục hoặc giúp người khác tự sát, hành vi giết con mới đẻ, hành vi giết người do tinh thần bị kích động mạnh, giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng...
- Hành vi làm chết người nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự: Giết người nhưng đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, người dưới 14 tuổi làm chết người, làm chết người do sự kiện bất ngờ, người không có năng lực trách nhiệm hình sự làm chết người, rủi ro trong nghiên cứu khoa học, thi hành mệnh lệnh hoặc chỉ huy của cấp trên...

Trong những trường hợp có hành vi trái luật như thế người ta không quy định là tội giết người mà được quy định bằng một tội danh cụ thể, tương ứng với hành vi. Khung hình phạt đối với những tội danh này không nghiêm khắc bằng khung hình phạt của tội giết người. Người thực hiện hành vi trái luật làm người khác chết, dù xảy ra đồng thời cùng thời điểm với cái chết tự nhiên của nạn nhân, vẫn bị quy định là tội danh giết người.

Cơ sở khoa học và cơ sở pháp lý của khái niệm này chính là khoản 1 Điều 8 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: “Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách

nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự”.

## **1.2 Dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm tính mạng con người.**

### **1.2.1 Khách thể của các tội xâm phạm tính mạng con người.**

Khách thể của các tội xâm phạm tính mạng con người là quan hệ nhân thân mà nội dung của nó là quyền bất khả xâm phạm về tính mạng con người.

Đây là quan hệ xã hội quan trọng nhất được luật hình sự bảo vệ và bị các tội xâm phạm tính mạng con người xâm hại. Vì vậy, hầu hết các tội phạm này đều có tính nguy hiểm cho xã hội rất cao, đòi hỏi phải bị trừng trị nghiêm khắc.

Trong số các quyền nhân thân, quyền sống, quyền được tôn trọng và bảo vệ tính mạng của con người là quyền tự nhiên, thiêng liêng và cao quý nhất, không một quyền nào có thể so sánh được. Bởi lẽ, con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển xã hội.

Các tội xâm phạm tính mạng con người xâm phạm quyền sống, quyền được tôn trọng và bảo vệ tính mạng của con người thông qua sự tác động làm biến đổi tình trạng bình thường của đối tượng tác động - con người đang sống.

Việc xác định đúng đối tượng tác động của các tội xâm phạm tính mạng con người có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Bởi lẽ, nếu hành vi nào đó tác động vào đối tượng không phải hay chưa phải là con người thì không xâm phạm đến quyền sống, quyền được tôn trọng và bảo vệ tính mạng của con người và vì vậy hành vi đó không phạm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người.

### **1.2.2 Mặt khách quan của các tội xâm phạm tính mạng con người.**

Mặt khách quan của các tội xâm phạm tính mạng con người là những biểu hiện của các tội xâm phạm tính mạng con người diễn ra hoặc tồn tại bên ngoài thế giới khách quan, bao gồm: Hành vi khách quan của các tội xâm phạm tính mạng con

người, hậu quả nguy hiểm cho xã hội của các tội xâm phạm tính mạng con người và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi khách quan với hậu quả nguy hiểm cho xã hội.

- Hành vi khách quan của các tội xâm phạm tính mạng con người.

Trong mặt khách quan của tội phạm nói chung và các tội xâm phạm tính mạng con người nói riêng, hành vi khách quan là dấu hiệu cơ bản vì hành vi khách quan là nguyên nhân gây thiệt hại cho quyền sống, quyền được tôn trọng và bảo vệ tính mạng của con người. Những dấu hiệu khác thuộc mặt khách quan như hậu quả của tội phạm, công cụ, phương tiện phạm tội... chỉ có ý nghĩa khi có hành vi khách quan.

Hành vi khách quan của các tội xâm phạm tính mạng con người có thể được thực hiện dưới hình thức hành động phạm tội hoặc không hành động phạm tội. Hành động phạm các tội xâm phạm tính mạng con người là hình thức của hành vi khách quan làm biến đổi tình trạng bình thường của đối tượng tác động của tội phạm, gây thiệt hại cho khách thể của tội phạm mà nội dung của nó là quyền sống, quyền được tôn trọng và

bảo vệ tính mạng con người, qua việc chủ thể làm một việc bị pháp luật cấm. Không hành động phạm các tội xâm phạm tính mạng con người là hình thức của hành vi khách quan làm biến đổi tình trạng bình thường của đối tượng tác động của tội phạm, gây thiệt hại cho khách thể của tội phạm mà nội dung của nó là quyền sống, quyền được tôn trọng và bảo vệ tính mạng con người, qua việc chủ thể không làm một việc mà pháp luật yêu cầu phải làm mặc dù có đủ điều kiện để làm.

Trong các tội xâm phạm tính mạng con người:

Có tội hành vi khách quan thường được thực hiện dưới hình thức hành động phạm tội, đó là: Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh; tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội; tội làm chết người trong khi thi hành công vụ; tội vô ý làm chết người; tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính; tội bức tử; tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát; tội đe dọa giết người.

Có tội hành vi khách quan chỉ được thực hiện dưới hình thức không hành động phạm tội, đó là tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng.

Có tội hành vi khách quan được thực hiện dưới cả hình thức hành động và hình thức không hành động phạm tội, đó là: Tội giết người; tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ.

Hành vi khách quan của các tội xâm phạm tính mạng con người là những biểu hiện của con người ra ngoài thể giới khách quan có sự kiểm soát của ý thức và sự điều khiển của ý chí. Đây là điều kiện cần, còn điều kiện đủ là hành vi đó phải gây ra hoặc có khả năng gây ra cái chết cho người khác một cách trái pháp luật. Những hành vi không gây ra và cũng không có khả năng gây ra cái chết cho người khác hoặc tuy có khả năng gây ra cái chết cho người khác, nhưng không trái pháp luật (như hành vi phòng vệ chính đáng, hành vi thi hành án tử hình...) thì đều không phải là hành vi khách quan của các tội xâm phạm tính mạng con người.

- Hậu quả của các tội xâm phạm tính mạng con người.

Hậu quả của các tội xâm phạm tính mạng con người chính là thiệt hại do hành vi phạm các tội xâm phạm tính mạng con người gây ra cho quan hệ nhân thân mà nội dung của nó là quyền sống, quyền được tôn trọng và bảo vệ tính mạng của con người. Thiệt hại này được thể hiện dưới dạng thiệt hại về thể chất - hậu quả chết người. Nghiên cứu hậu quả của các tội xâm phạm tính mạng con người có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định thời điểm tội phạm hoàn thành. Vì các tội xâm phạm tính mạng con người đều là tội phạm có cấu thành vật chất nên thời điểm hoàn thành của tội phạm này là thời điểm nạn nhân đã chết sinh vật - giai đoạn cuối cùng của sự chết mà ở đó sự sống của con người không gây ra và cũng không có khả năng hồi phục. Ở giai đoạn này, *"hệ thần kinh mất hết tri giác, cảm giác và các phản xạ... Đặt bông vào hai lỗ mũi không thấy bông chuyển động. Để gương trước mũi không thấy bị mờ và nghe phổi không thấy rì rào phế nang..."* hoặc nạn nhân đã bị tổn thương cơ thể với tỷ lệ nhất định.

- Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi khách quan với hậu quả nguy hiểm cho xã hội.

Việc định tội theo cấu thành các tội xâm phạm tính mạng con người không chỉ đòi hỏi phải xác định hậu quả nguy hiểm cho xã hội mà còn đòi hỏi phải xác định cả mối quan hệ nhân quả giữa hành vi khách quan của các tội xâm phạm tính mạng

con người và hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Một người chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về hậu quả nguy hiểm cho xã hội (hậu quả chết người) nếu hậu quả nguy hiểm đó do chính hành vi khách quan của họ gây ra.

Hành vi khách quan của các tội xâm phạm tính mạng con người được coi là nguyên nhân gây ra hậu quả chết người nếu thoả mãn ba điều kiện:

1) Hành vi khách quan của các tội xâm phạm tính mạng con người xảy ra trước hậu quả về mặt thời gian.

2) Hành vi khách quan của các tội xâm phạm tính mạng con người độc lập hoặc trong mối liên hệ tổng hợp với một hay nhiều hiện tượng khác phải chứa đựng khả năng thực tế làm phát sinh hậu quả chết người. Khả năng này chính là khả năng trực tiếp làm

biến đổi tình trạng bình thường của đối tượng tác động của tội phạm - con người đang sống. Ví dụ: Khả năng gây chết người của hành động dùng dao sắc nhọn đâm vào ngực nạn nhân hay của không hành động không cho trẻ sơ sinh ăn, uống...

3) Hậu quả chết người đã xảy ra phải đúng là sự hiện thực hoá khả năng thực tế làm phát sinh hậu quả của hành vi khách quan của các tội xâm phạm tính mạng con người hoặc là khả năng trực tiếp làm biến đổi tình trạng bình thường của đối tượng tác động - con người đang sống.

Quan hệ nhân quả đơn trực tiếp và quan hệ nhân quả kép trực tiếp. Quan hệ nhân quả đơn trực tiếp là dạng quan hệ nhân quả trong đó chỉ có một hành vi khách quan của các tội xâm phạm tính mạng con người đóng vai trò là nguyên nhân của hậu quả chết người.

Quan hệ nhân quả kép trực tiếp là dạng quan hệ nhân quả trong đó có nhiều hành vi khách quan của các tội xâm phạm tính mạng con người đóng vai trò là nguyên nhân gây ra hậu quả chết người. Trong dạng quan hệ nhân quả này, có thể mỗi hành vi khách quan của các tội xâm phạm tính mạng con người đều có khả năng thực tế trực tiếp làm phát sinh hậu quả, nhưng cũng có thể mỗi hành vi đều chưa có khả năng này. Khả năng này chỉ hình thành khi các hành vi đó kết hợp với nhau.

[02]

- Về xác định dấu hiệu công cụ, phương tiện, phương pháp, thủ đoạn, thời gian, địa điểm, hoàn cảnh thực hiện tội phạm:

Đối với một số tội phạm, dấu hiệu công cụ, phương tiện, phương pháp, thủ đoạn, thời gian, địa điểm, hoàn cảnh thực hiện tội phạm là dấu hiệu bắt buộc. Trong những trường hợp đó, việc xác định có các dấu hiệu này trên thực tế mới có thể xác định tội danh của người thực hiện hành vi. [03]

### **1.2.3 Mặt chủ quan của các tội xâm phạm tính mạng con người.**

Nếu mặt khách quan của các tội xâm phạm tính mạng con người là những biểu hiện diễn ra hoặc tồn tại bên ngoài thế giới khách quan thì mặt chủ quan của các tội xâm phạm tính mạng con người lại là diễn biến tâm lý bên trong của người phạm tội, bao gồm lỗi, động cơ và mục đích phạm tội. Trong các dấu hiệu này, lỗi là dấu hiệu duy nhất bắt buộc phải có trong mặt chủ quan của cấu thành các tội xâm phạm tính mạng con người.

*- Lỗi của người phạm các tội xâm phạm tính mạng con người.*

Lỗi của người phạm các tội xâm phạm tính mạng con người là thái độ tâm lý của người phạm tội đối với hành vi gây ra cái chết cho người khác một cách trái pháp luật và đối với hậu quả chết người của người khác do hành vi đó gây ra, được biểu hiện dưới hình thức cố ý trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp.

Nguyên tắc có lỗi là một trong những nguyên tắc được quy định trong nhiều ngành luật. Đặc biệt, trong luật hình sự Việt Nam, nguyên tắc này được coi là nguyên tắc cơ bản. Có lỗi là cơ sở chủ quan để có thể buộc chủ thể phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi có tính gây thiệt hại của mình và về hậu quả thiệt hại do hành vi đó gây ra. Lỗi của người phạm tội xâm phạm tính mạng con người là thái độ tâm lý của họ đối với hành vi gây ra thiệt hại về tính mạng cho người khác một cách trái pháp luật và đối với hậu quả thiệt hại về tính mạng do hành vi đó gây ra, được biểu hiện dưới hình thức cố ý trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp.

Theo quy định tại Điều 10 Bộ luật hình sự năm 2015 về lỗi cố ý, thì lỗi cố ý trực tiếp là: “1. Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã

*hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra;” Và lỗi cố ý gián tiếp là: “Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó có thể xảy ra, tuy không mong muốn nhưng vẫn có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra.”*

*- Động cơ, mục đích của người phạm các tội xâm phạm tính mạng con người.*

Khác dấu hiệu lỗi, trong mặt chủ quan của các tội xâm phạm tính mạng con người, động cơ, mục đích phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc. Tuy nhiên, ở một số cấu thành tội phạm có quy định dấu hiệu động cơ hoặc mục đích phạm tội là dấu hiệu bắt buộc thì việc xác định đúng động cơ, mục đích phạm tội sẽ giúp định đúng tội danh, xác định đúng khung hình phạt và phân biệt được các tội xâm phạm tính mạng con người với một số tội phạm khác cũng có hành vi cố ý gây ra cái chết cho nạn nhân; cụ thể là: Người nào cố ý gây ra cái chết hoặc gây tổn thương cơ thể cho người khác

(thường là cán bộ, công chức hoặc công dân đang giữ những trọng trách nhất định) nhằm chống chính quyền nhân dân thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 113 Bộ luật Hình sự năm 2015); không nhằm chống chính quyền nhân dân thì (mới) phải chịu trách nhiệm hình sự về các tội xâm phạm tính mạng con người.

#### **1.2.4 Chủ thể của các tội xâm phạm tính mạng con người.**

Chủ thể của tội phạm nói chung và các tội xâm phạm tính mạng con người nói riêng là con người có đủ điều kiện để có lỗi khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Người có đủ điều kiện để có lỗi, để trở thành chủ thể của tội phạm phải là người có năng lực trách nhiệm hình sự - năng lực nhận thức được ý nghĩa xã hội của hành vi và năng lực điều khiển hành vi theo đòi hỏi tất yếu của xã hội. Để có được năng lực này con người phải đạt độ tuổi nhất định. Do vậy, độ tuổi cũng là điều kiện của chủ thể của tội phạm nói chung và các tội xâm phạm tính mạng con người nói riêng. Xuất phát từ mối quan hệ giữa độ tuổi và năng lực trách nhiệm hình sự, Luật hình sự Việt Nam không trực tiếp quy định người như thế nào là người có năng lực trách nhiệm hình sự

mà chỉ quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự và tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự. Với việc quy định này, Luật hình sự Việt Nam mặc nhiên thừa nhận những người đã đạt độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và không trong tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự là những người có năng lực trách nhiệm hình sự. [02]

Về tuổi chịu trách nhiệm hình sự của tội giết người được quy định tại Khoản 2 Điều 12 Bộ luật hình sự năm 2015. Theo đó: *“Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội giết người, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, tội hiếp dâm, tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi, tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, tội cướp tài sản, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản; ...”*

Như vậy theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 thì chủ thể của tội giết người là những người từ đủ 14 tuổi trở lên. Quy định này dựa trên cơ sở của những công trình nghiên cứu khoa học và thực tiễn quá trình đấu tranh phòng chống tội phạm ở Việt Nam.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: *“Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác.”* Như vậy, chủ thể của hầu hết các tội xâm phạm tính mạng con người là những người từ đủ 16 tuổi trở lên.

Người phát triển bình thường về tâm sinh lý, sẽ có năng lực trách nhiệm hình sự khi đạt độ tuổi nhất định. Tuy nhiên, những người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình thì được coi là người trong tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự và họ không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Điều 21 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định như sau: *“Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần, một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự.”* Từ quy định trên, có thể đưa ra kết luận: Một người được coi là trong

tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự khi thỏa mãn cả hai dấu hiệu: Thứ nhất, dấu hiệu y học là người phạm tội đang mắc bệnh. Thứ hai, dấu hiệu tâm lý là người phạm tội bị mất năng lực nhận thức hoặc năng lực điều khiển hành vi.

Việc xác định tại thời điểm phạm tội xâm phạm tính mạng con người, bị can, bị cáo có mắc bệnh tâm thần hay không và họ có mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình hay không là một vấn đề vô cùng quan trọng thuộc nội dung của giám định tâm thần tư pháp. Tuy nhiên hiện nay còn tồn tại tình trạng một số cơ quan tiến hành tố tụng không phân định rạch ròi trong nhận thức cũng như trong nội dung yêu cầu giám định, dẫn đến việc nhầm lẫn là cứ bị can, bị cáo mắc bệnh tâm thần là được miễn trách nhiệm hình sự; và nhiều cơ quan tiến hành tố tụng rất ngại ra quyết định trung cầu giám định pháp y tâm thần trung ương, bởi vì thời gian theo dõi bệnh nhân tại bệnh viện quá dài dẫn đến việc tổ chức giám sát người phạm tội gặp rất nhiều khó khăn.

Bên cạnh tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự, Bộ luật hình sự năm 2015 còn quy định năng lực trách nhiệm hình sự hạn chế là một tình tiết giảm nhẹ tại Điều 1 Khoản 1 Điều 51: *“Phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra.”* Và Điều 9 Khoản 1 Điều 51: *“Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình”* Đây là trường hợp khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của họ không bị mất đi mà chỉ bị giảm sút. Quy định này vừa thể hiện tính khoa học vừa thể hiện nguyên tắc nhân đạo của pháp luật hình sự Việt Nam. [04, tr.31]

### **1.3 Chế tài đối với các tội xâm phạm tính mạng con người.**

Tội xâm phạm tính mạng con người là tội phạm tàn ác và đáng bị lên án nhất, nó không những gây đau thương mất mát cho gia đình nạn nhân, phá vỡ tế bào của xã hội mà còn gây mất an ninh ở địa phương, tạo tâm lý hoang mang lo sợ cho quần chúng nhân dân, vì vậy đường lối xử lý của Nhà nước ta đối với các tội xâm phạm tính mạng con người rất nghiêm khắc. Bao gồm hình phạt chính và hình phạt bổ sung.

### 1.3.1 Các hình phạt chính.

**Hình phạt cảnh cáo (Điều 34 Bộ luật hình sự 2015):** “Cảnh cáo được áp dụng đối với người phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng chưa đến mức miễn hình phạt.” [05]

Cảnh cáo là sự khiển trách công khai của Nhà nước do Toà án tuyên án đối với người bị kết án.

Cảnh cáo là loại hình phạt nhẹ nhất trong các hình phạt chính, không có khả năng đưa lại những hạn chế pháp lý liên quan trực tiếp đến các quyền và lợi ích thiết thân về thể chất và tài sản... của người bị kết án. Tuy vậy, với tư cách là khiển trách công khai của Nhà nước đối với người phạm tội, cảnh cáo gây ra cho họ những tổn hại nhất định về mặt tinh thần. Người bị hình phạt cảnh cáo đã phải chịu sự lên án của Nhà nước về hành vi phạm tội của mình. Chỉ áp dụng đối với trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng. Trong đó, theo điểm a khoản 1 Điều 9 Bộ luật Hình sự năm 2015: “Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm.” [05]

Hình phạt cảnh cáo có thể được áp dụng đối với tội: Không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng (thuộc khoản 1 Điều 132 Bộ luật hình sự 2015).

**Hình phạt cải tạo không giam giữ (Điều 36 Bộ luật hình sự 2015):**

“1. Cải tạo không giam giữ được áp dụng từ 06 tháng đến 03 năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật này quy định mà đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi cư trú rõ ràng nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội.

Nếu người bị kết án đã bị tạm giữ, tạm giam thì thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ...” [05]

Hình phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm có thể được áp dụng đối với các tội: Giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ (thuộc khoản 1 Điều 124 Bộ luật hình sự 2015); giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần

thiết khi bắt giữ người phạm tội (thuộc khoản 1 Điều 126 Bộ luật hình sự 2015); không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng (thuộc khoản 1 Điều 132 Bộ luật hình sự 2015).

Hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm có thể được áp dụng đối với các tội: Vô ý làm chết người (thuộc khoản 1 Điều 128 Bộ luật hình sự 2015); xúi giục hoặc giúp người khác tự sát (thuộc khoản 1 Điều 131 Bộ luật hình sự 2015); đe dọa giết người (thuộc khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự 2015).

Đây là hình phạt mang tính chất giáo dục, cải tạo để người phạm tội có thể hoàn lương, trở thành công dân có ích cho xã hội, tính trừng trị trong hình phạt này gần như là không có. Hình phạt cải tạo không giam giữ có một số đặc điểm sau:

Thời hạn áp dụng: từ 06 tháng đến 03 năm, đây là khung thời hạn áp dụng biện pháp cải tạo không giam giữ, sẽ tùy trường hợp mà áp dụng mức hình phạt cụ thể khác nhau. Tuy nhiên bắt buộc không được dưới 06 tháng và không được quá 03 năm. Không có một quy định thành văn nào nhưng thông lệ nếu xét thấy thời gian phạt cải tạo không giam giữ dưới 06 tháng thì sẽ chuyển sang hình thức phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền còn thời hạn trên 03 năm thì sẽ chuyển sang hình phạt tù có thời hạn.

Điều kiện áp dụng: Phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng mà đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi cư trú rõ ràng nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội.

Từ nếu ở đây cho chúng ta thấy được: phạm tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng và đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi cư trú rõ ràng chỉ là điều kiện cần và chứ chưa phải là điều kiện đủ để người thực hiện hành vi phạm tội được áp dụng hình phạt này. Mấu chốt của vấn đề là việc xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội ra khỏi xã hội.

Người tiếp nhận: Cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú để giám sát, giáo dục + sự phối hợp của gia

đình. Trong từng trường hợp cụ thể mà Tòa án sẽ quyết định giao người phạm tội cho cơ quan tổ chức nơi học tập, làm việc hoặc giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã, phường. Việc giao cho ai này sẽ được quy định rõ trong bản án sau khi xét xử. Gia đình trong trường hợp này chỉ giữ vai trò phối hợp giám sát, giáo dục.

Nghĩa vụ: thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hằng tháng. Trong trường hợp đặc biệt, Tòa án có thể cho miễn việc khấu trừ thu nhập, nhưng phải ghi rõ lý do trong bản án.

So với quy định tại Bộ Luật hình sự cũ thì việc khấu trừ này đã quy định rõ hơn về phương thức đó là khấu trừ hàng tháng. Bên cạnh đó cũng quy định thêm trường hợp không thực hiện việc khấu trừ thu nhập đối với người chấp hành án là người đang thực hiện nghĩa vụ quân sự.

Ngoài ra Bộ Luật hình sự 2015 này cũng quy định rõ nếu người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt (không có thu nhập) thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng với thời gian không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Nếu người bị kết án đã bị tạm giữ, tạm giam thì thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng đối với phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 06 tháng tuổi, người già yếu, người bị bệnh hiểm nghèo, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng.

### ***Hình phạt tù có thời hạn (Điều 38 Bộ luật hình sự 2015):***

*“1. Tù có thời hạn là buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định.*

*Tù có thời hạn đối với người phạm một tội có mức tối thiểu là 03 tháng và mức tối đa là 20 năm.*

*Thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 01 ngày tù.*

*2. Không áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng do vô ý và có nơi cư trú rõ ràng.” [05]*

Hình thức: người bị kết án phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ. Cơ sở giam giữ là tên gọi mới, trước đây được gọi là trại giam. Có thể thấy ít nhiều việc thay từ trại giam thành cơ sở giam giữ cũng đem lại một cảm giác bớt nặng nề hơn cho thấy xu hướng khá tích cực trong cách nhìn nhận và đối xử với người phạm tội của pháp luật hình sự nói riêng và chính sách của nhà nước nói chung.

Thời hạn: tối thiểu là 03 tháng và mức tối đa là 20 năm. Tù có thời hạn, ngay chữ thời hạn đã cho chúng ta thấy việc thụ án này là một khoảng thời gian xác định nhất định, tối thiểu là 03 tháng và tối đa là 20 năm đối với một tội. Trong trường hợp người phạm tội phạm nhiều tội và tổng hợp hình phạt thì mức tối đa áp dụng đối với hình phạt phạt tù có thời hạn là 30 năm theo nguyên tắc tổng hợp hình phạt.

Trường hợp không áp dụng: người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng do vô ý và có nơi cư trú rõ ràng. Đây là quy định mới được bổ sung so với Bộ Luật cũ cho thấy chính sách hạn chế việc lạm dụng áp hình phạt tù có thời hạn.

***Phạt tù chung thân (Điều 39 Bộ luật hình sự 2015):*** “Tù chung thân là hình phạt tù không thời hạn được áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, nhưng chưa đến mức bị xử phạt tử hình.

*Không áp dụng hình phạt tù chung thân đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.”*

Hình phạt tù chung thân có thể áp dụng đối với tội: Giết người (thuộc khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự 2015).

Hình phạt tù chung thân cũng giống như phạt tù có thời hạn là người phạm tội phải thụ án tại cơ sở giam giữ chứ không được tại ngoại. Nhưng khác biệt rõ ở đặc điểm về thời hạn, hình phạt tù chung thân là không xác định thời hạn. Điều này làm một số người hiểu nhầm rằng nhận án chung thân là thụ án đến khi nào chết trong tù thì mới xong. Cách hiểu này hoàn toàn không đúng. Về lý thuyết bản chất của tù chung thân là không thời hạn nhưng thực tế người phạm tội có chấp hành hình phạt đó đến lúc qua đời hay không phụ thuộc rất lớn vào quá trình cải tạo của cá nhân người phạm tội đó. Nhà nước luôn có chính sách rút ngắn thời hạn, giảm hình phạt đối với những phạm nhân tham gia cải tạo tốt, đóng góp nhiều thành tích v.v...

Điều kiện áp dụng: phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, nhưng chưa đến mức bị xử phạt tử hình. Về mức độ nghiêm khắc thì hình phạt tù chung thân chỉ thấp hơn hình phạt tử hình và cao hơn tất cả các hình phạt còn lại. Do đó hình phạt này chỉ áp dụng đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Với xu hướng hạn chế áp dụng hình phạt tử hình mà chuyển xuống chung thân như hiện nay và trong tương lai thì chắc chắn số lượng án chung thân được tuyên sẽ ngày càng tăng.

Trường hợp không áp dụng: người dưới 18 tuổi phạm tội. Đây là trường hợp ngoại lệ duy nhất khi áp dụng hình phạt này. Người dưới 18 tuổi (chưa đủ 18 tuổi) là người chưa thành niên và xét ở một góc độ nào đó đối tượng này chưa thực sự nhận thức được đúng và đầy đủ tất cả các hành vi và hậu quả của hành vi mà mình thực hiện. Sự chưa nhận thức đầy đủ và đúng đắn đó xuất phát từ việc chưa hoàn thiện sự phát triển thể chất, tinh thần dưới góc độ sinh học cũng như sự hoàn thiện về mặt nhận thức xã hội. Đó là những nguyên nhân khách quan. Trong khi đó hình phạt chung thân là một hình phạt cực kỳ nghiêm khắc do đó nếu áp dụng trong trường hợp này sẽ không đảm bảo được tính mục đích giáo dục của hình phạt, có phần quá khắc khe và thiếu công bằng giữa những người đã trưởng thành và những người chưa thành niên.

***Hình phạt tử hình (Điều 40 Bộ luật hình sự 2015):***

*“1. Tử hình là hình phạt đặc biệt chỉ áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng thuộc một trong nhóm các tội xâm phạm an ninh quốc gia, xâm phạm tính mạng con người, các tội phạm về ma túy, tham nhũng và một số tội phạm đặc biệt nghiêm trọng khác do Bộ luật này quy định.*

*2. Không áp dụng hình phạt tử hình đối với người dưới 18 tuổi khi phạm tội, phụ nữ có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi hoặc người đủ 75 tuổi trở lên khi phạm tội hoặc khi xét xử.*

*3. Không thi hành án tử hình đối với người bị kết án nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:*

*a) Phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi;*

*b) Người đủ 75 tuổi trở lên;*

*c) Người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn.*

*4. Trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này hoặc trường hợp người bị kết án tử hình được ân giảm, thì hình phạt tử hình được chuyển thành tù chung thân.”*

Hình phạt tử hình chỉ có thể áp dụng đối với 01 tội nguy hiểm nhất của các tội xâm phạm tính mạng con người, đó là tội giết người (thuộc khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự 2015).

Đây là hình phạt nghiêm khắc nhất mà pháp luật hình sự áp dụng đối với người phạm tội và hậu quả pháp lý là người phạm tội phải trả giá bằng mạng sống của mình. Xét về tính răn đe thì đây là hình phạt có tính răn đe mạnh nhất nhưng ẩn chứa trong nó vẫn có một yếu tố gì đó mang tính chất trừng trị và không mang tính chất nhân đạo vì nó tước đi quyền sống của con người (quyền tự nhiên). Do đó hiện

nay trên thế giới cũng có 2 trường phái quan niệm về việc tiếp tục giữ hay loại bỏ án tử hình ra khỏi luật hình sự. Một số quốc gia đã bỏ hẳn hình phạt này, một số quốc gia tuy vẫn giữ nhưng sẽ dè chừng, hạn chế áp dụng và một số quốc gia còn lại vẫn tiếp tục duy trì và không có động thái nào về việc thể hiện xu hướng lập pháp về việc này. Việt Nam chúng ta thuộc vào nhóm thứ hai, so với Bộ Luật hình sự cũ chúng ta đã bỏ đi khá nhiều hình phạt tử hình đối với một số tội và đó cũng là hướng đi trong thời gian tới theo quan điểm của các nhà lập pháp hiện tại. Vấn đề bỏ hẳn hình phạt tử hình này trong Bộ Luật hình sự Việt Nam hay không là một vấn đề lớn và tất nhiên là luôn có 2 luồng quan điểm trái chiều, tranh cãi dữ dội của giới nghiên cứu khoa học pháp lý cũng như của người dân trong xã hội.

Điều kiện áp dụng: Hình phạt này chỉ áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng (loại tội phạm nguy hiểm nhất), thông thường sẽ là các tội phạm thuộc nhóm các tội xâm phạm an ninh quốc gia, tính mạng con người, các tội phạm về ma túy, tham nhũng. Khách thể mà những tội phạm này xâm hại đến là những quan hệ xã hội rất quan trọng, cần được bảo vệ một cách an toàn nhất do đó khi quan hệ xã hội đó bị xâm phạm hình phạt áp dụng thường sẽ là chung thân hoặc tử hình để đảm bảo tính răn đe. Tuy nhiên hậu quả pháp lý của hình phạt này rất lớn đó là tính mạng của con người chứ không đơn thuần là một số quyền, lợi ích luật định bị tước bỏ vì quyền sống là quyền tự nhiên của con người. Do vậy, pháp luật cũng rất hạn chế áp dụng hình phạt này và nêu rõ một vài trường hợp ngoại lệ sẽ không áp dụng mặc dù tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi đã đến mức có thể áp dụng nhằm mục đích thể hiện tính nhân đạo của nhà nước. So với trường hợp loại trừ áp dụng án chung thân thì những trường hợp loại trừ áp dụng án tử hình nhiều hơn, cụ thể bao gồm:

Thứ nhất: người dưới 18 tuổi khi phạm tội. Thời điểm tính tuổi là khi người đó thực hiện hành vi phạm tội. Điều này cực kỳ quan trọng vì không phải khi nào hành vi phạm tội cũng bị phát hiện ngay tại thời điểm thời điểm thực hiện hành vi. Trong rất nhiều trường hợp người thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nhưng thời

điêm phát hiện, xét xử người đó đã đủ 18 tuổi thì cũng sẽ không áp dụng hình phạt tử hình. Dưới 18 tuổi nhưng phải đảm bảo tối thiểu đủ 14 tuổi thì mới là độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, dưới tuổi đó không làm phát sinh trách nhiệm hình sự do không đáp ứng điều kiện về chủ thể do vậy cũng không cần phải xem xét đến việc có áp dụng hình phạt tử hình hay không. Tuổi ở đây là tính theo tuổi đủ, nghĩa là đủ năm, đủ tháng đủ ngày căn cứ vào Chứng minh nhân dân (thẻ căn cước), giấy khai sinh và trong một số trường hợp là phân tích đã xác định tuổi nếu không có giấy tờ để căn cứ.

Thứ hai: phụ nữ có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi khi phạm tội hoặc khi xét xử. Có thể thấy thời điểm áp dụng việc loại trừ này đối với chủ thể là phụ nữ có thai, nuôi con dưới 36 tháng tuổi rộng hơn chủ thể là người dưới 18 tuổi. Cụ thể thời điểm tính bao gồm cả khi phạm tội hoặc khi xét xử. Quy định này cho thấy rõ sự nhân đạo của nhà nước đối với chủ thể phạm tội khá đặc biệt phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ (dưới 36 tháng). Phần nào đó có thể hiểu trong lúc mang thai phụ nữ thường có những thay đổi lớn về tâm sinh lý (thông thường là theo hướng tiêu cực) do đó ảnh hưởng đến sự nhận thức và kiểm soát việc thực hiện hành vi của mình. Trong một số trường hợp sau khi sinh xong phụ nữ mắc một số bệnh như trầm cảm sau sinh và một số dạng bệnh lý tương tự khác do đó pháp luật dự trù việc nuôi con nhỏ trong thời hạn 36 tháng cũng khá an toàn để người phụ nữ phục hồi hoàn toàn lại tâm sinh lý và đưa trẻ cũng đủ độ tuổi nhất định để có thể chấp nhận cuộc sống không có mẹ (khi áp dụng án tử).

Thứ ba: người đủ 75 tuổi trở lên khi phạm tội hoặc khi xét xử. Đây là trường hợp mới được bổ sung vào những trường hợp không áp dụng án tử so với Bộ luật hình sự cũ. Điều đó cho thấy chính sách của pháp luật hình sự ngày càng trở nên nhân đạo và phù hợp với xu hướng của thế giới hơn. Cụ thể những người đủ 75 tuổi trở lên khi thực hiện hành vi phạm tội hoặc khi xét xử thì cũng thuộc trường hợp thất thập cổ lai hy, sống thọ được 70 thì xưa nay hiếm do vậy chúng ta không áp dụng hình phạt này một phần cũng thể hiện sự kính lão, tôn trọng quy mệnh người già phần

nào dưới góc độ sinh học thì những người đến độ tuổi này não bộ đã lão hóa nhiều không còn minh mẫn nhưng lúc trẻ do đó ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện hành vi phạm tội. Do đó trường hợp bổ sung trong Bộ luật lần này là cần thiết và hợp lý.

Những trường hợp không thi hành án tử hình:

Bản chất của những trường hợp này là đã có bản án và bản án đã tuyên án tử hình nhưng do thuộc một số trường hợp đặc biệt được pháp luật quy định sau đây mà không thi hành án tử đó mà sẽ chuyển sang tù chung thân:

Thứ nhất: Phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi;

Thứ hai: Người đủ 75 tuổi trở lên;

Thứ ba: Người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn.

### **1.3.2 Các hình phạt bổ sung.**

Người phạm các tội xâm phạm tính mạng con người, ngoài các hình phạt chính như đã nêu trên, còn có thể bị áp dụng các hình phạt bổ sung sau:

***Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định (Điều 41 Bộ luật hình sự 2015):*** “Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định được áp dụng khi xét thấy nếu để người bị kết án đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc đó thì có thể gây nguy hại cho xã hội.

*Thời hạn cấm là từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu hình phạt chính là cảnh cáo, phạt*

*tiền, cải tạo không giam giữ hoặc trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo.” [05]*

Hình phạt cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm có thể áp dụng đối với tội giết người (được quy định tại khoản 4 Điều 123).

Hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm có thể áp dụng đối với các tội: Làm chết người trong khi thi hành công vụ (được quy định tại khoản 3 Điều 127 Bộ luật hình sự 2015); vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính (được quy định tại khoản 3 Điều 129 Bộ luật hình sự 2015); không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng (được quy định tại khoản 4 Điều 132 Bộ luật hình sự 2015).

Hình phạt bổ sung này là thực sự cần thiết đặc biệt là đối với những người bị kết án nắm giữ những vị trí quan trọng mà việc tiếp tục cho họ giữ nguyên vị trí sẽ dễ dẫn đến nguy cơ gây ra những thiệt hại lớn hơn những thiệt hại đã từng gây ra.

Có 3 dạng cấm:

- (1) Cấm đảm nhiệm chức vụ
- (2) Cấm hành nghề
- (3) Cấm làm công việc nhất định

Thời hạn cấm tối thiểu là 01 năm và tối đa là 05 năm. Thời điểm tính thời hạn bắt đầu.

- (1) Kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù

Hoặc

(2) Từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu hình phạt chính là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc người bị kết án được hưởng án treo.

***Quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm (Điều 42 và Điều 43 Bộ luật hình sự 2015)***

Hình phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm có thể áp dụng đối với tội giết người (được quy định tại khoản 4 Điều 123 bộ luật hình sự 2015).

Việc quy định hình phạt bổ sung có thể áp dụng đối với người phạm các tội xâm phạm tính mạng con người nhằm hỗ trợ cho hình phạt chính, giúp đạt được mục đích của hình phạt là không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

**1.4 Quá trình hình thành và phát triển của chế định các nhóm tội xâm phạm tính mạng con người trong pháp luật hình sự Việt Nam.**

Năm 1985 là mốc đánh dấu sự ra đời Bộ luật hình sự đầu tiên của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, đó là Bộ luật hình sự năm 1985 có hiệu lực từ ngày 01/01/1985. Về kết cấu, Bộ luật hình sự năm 1985 về cơ bản giống như Bộ luật hình sự năm 1999 gồm hai phần chính là phần chung và phần các tội phạm. Phần chung quy định các vấn đề cơ bản của luật hình sự như: khái niệm tội phạm, hệ thống hình phạt, tuổi chịu trách nhiệm hình sự,... Phần các tội phạm quy định các tội phạm cụ thể. Các tội xâm phạm tính mạng con người trong Bộ luật hình sự năm 1985 được quy định tại chương 2 phần các tội phạm, từ Điều 101 đến Điều 108, bao gồm 08 Điều cụ thể cho 08 tội: Tội giết người (Điều 101), Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 102), Tội xâm phạm tính mạng hoặc sức khỏe của người khác trong khi thi hành công vụ (Điều 103), Tội vô ý làm chết người (Điều 104), Tội bức tử (Điều 105), Tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát (Điều 106), Tội cố ý không giúp người khác đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng (Điều 107), Tội đe dọa giết người (Điều 108).

Giai đoạn từ 1986 đến trước khi có Bộ luật hình sự năm 1999: Trong khoảng 15 năm tồn tại, Bộ luật hình sự năm 1985 đã được sửa đổi, bổ sung 4 lần vào các năm 1989, 1991, 1992 và 1997. Qua bốn lần sửa đổi, bổ sung có trên 100 lượt điều luật được sửa đổi hoặc bổ sung. Với những sửa đổi, bổ sung này luật hình sự đã có sự phát triển đáp ứng được phần nào đòi hỏi của cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm trong điều kiện đổi mới.

Bộ luật hình sự năm 1999 được xây dựng trên cơ sở kế thừa những nội dung hợp lý, tích cực của Bộ luật hình sự năm 1985. So với Bộ luật hình sự năm 1985, Bộ luật hình sự năm 1999 có những thay đổi cơ bản mang tính tương đối toàn diện thể hiện sự phát triển mới của Luật hình sự Việt Nam.

Tuy nhiên trước những thay đổi lớn lao trên các mặt của đời sống xã hội, sự phát triển của nền kinh tế trong thời kỳ hội nhập, nhận thức pháp luật của người dân ngày càng nâng cao, những thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi, nhiều loại tội phạm mới xuất hiện... những vấn đề đó đòi hỏi cần phải có sự điều chỉnh sửa đổi, bổ sung của hệ thống pháp luật trong đó có pháp luật hình sự nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Ngày 22 tháng 7 năm 2014 Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng dự án Bộ luật hình sự (sửa đổi) Bộ luật hình sự năm 2015, sau là Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. [06]

#### **1.4.1 Những điểm mới về quy định các tội xâm phạm tính mạng của con người trong Bộ luật hình sự năm 1999 so với Bộ luật hình sự năm 1985.**

Năm 1999, tại kỳ họp thứ VI Quốc hội khóa X đã quyết định thông qua Bộ luật hình sự năm 1999 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2000. So với Bộ luật hình sự năm 1985, Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi một cách toàn diện, thể hiện chính sách hình sự mới của Nhà nước ta đối với tội phạm nói chung, trong đó có các tội xâm phạm tính mạng của con người. Theo đánh giá của tác giả Đinh Văn Quế cho rằng: “Các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các tội xâm phạm tính mạng của con người đầy đủ hơn, chi tiết hơn, phản ánh được thực trạng công tác đấu tranh phòng chống loại tội phạm này trong thời gian qua; giúp cho việc điều

tra, truy tố mà đặc biệt là việc xét xử loại tội phạm này sẽ thuận lợi hơn trước đây.[07,tr.03]

Các tội xâm phạm tính mạng của con người được Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi như sau:

- Tội giết người được tách làm 03 tội: Tội giết người (Điều 93), Tội giết con mới đẻ (Điều 94), Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 95);
- Tội xâm phạm tính mạng sức khỏe của người khác trong khi thi hành công vụ được tách làm 02 tội: Tội làm chết người trong khi thi hành công vụ (Điều 97), Tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong khi thi hành công vụ (Điều 107);
- Tội vô ý làm chết người được tách làm hai tội: Tội vô ý làm chết người (Điều 98), Tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính (Điều 99);
- Ngoài việc tách một số tội danh trong Bộ luật hình sự năm 1985, Bộ luật hình sự năm 1999 còn tăng nặng hình phạt và bổ sung thêm một số tình tiết tăng nặng định khung đối với một số tội trong các tội xâm phạm tính mạng của con người, đó là:

Các tội được điều chỉnh tăng nặng mức hình phạt tối đa như: Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, hình phạt tù tối đa là 03 năm được điều chỉnh lên 05 năm; Tội bức tử, hình phạt tù tối đa là 05 năm được điều chỉnh lên 07 năm; Tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát, hình phạt tù tối đa là 05 năm được điều chỉnh lên 07 năm; Tội đe dọa giết người, hình phạt tù tối đa là 02 năm được điều chỉnh lên 07 năm.

Ngoài ra, Bộ luật hình sự năm 1999 đã bổ sung thêm một số tình tiết định khung tăng nặng trong một số tội thuộc nhóm tội xâm phạm tính mạng của con người như:

- Đối với trẻ em hoặc người chưa thành niên được bổ sung tại điểm c khoản 1 Điều 93 (Tội giết người), điểm c khoản 2 Điều 103 (Tội đe dọa giết người).

- Đối với ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình được bổ sung tại điểm đ khoản 1 Điều 93 (Tội giết người).
- Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân bổ sung tại điểm d khoản 1 Điều 93 (Tội giết người), điểm b khoản 2 Điều 103 (Tội đe dọa giết người).
- Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân bổ sung tại điểm h khoản 1 Điều 93 (Tội giết người).
- Thực hiện tội phạm một cách man rợ bổ sung tại điểm i khoản 1 Điều 93 (Tội giết người) [08, tr.48]

#### **1.4.2 Những điểm mới về quy định các tội xâm phạm tính mạng của con người trong Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 so với Bộ luật hình sự năm 1999.**

Các tội xâm phạm tính mạng của con người trong Bộ luật hình sự 2015 kế thừa phần lớn quy định của Bộ luật hình sự 1999. Để phù hợp với thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, phù hợp với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia, các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người trong Bộ luật hình sự 2015 có một số sửa đổi, bổ sung cơ bản sau đây:

Thứ nhất, Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã sửa đổi Tội giết người do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội (Điều 96 Bộ luật hình sự năm 1999) thành: Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội (Điều 126 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017); Tội giết con mới đẻ (Điều 94 Bộ luật hình sự năm 1999) thành: Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ (Điều 124 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017). Việc sửa đổi tội phạm nêu trên là phù hợp với đòi hỏi của xã hội; vừa đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng, chống các hành vi xâm phạm tính mạng của con người, vừa thể hiện tinh thần nhân đạo của Luật hình sự Việt Nam.

Thứ hai, Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã bổ sung điều khoản quy định về trường hợp chuẩn bị phạm tội đối với Tội giết người (Điều 123).

Quy định mới này giúp cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi xâm phạm tính mạng của con người có tính khả thi cao hơn.

Thứ ba, Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã sửa tên và nội dung một số tội danh theo hướng quy định cụ thể độ tuổi của nạn nhân, thay từ “trẻ em” bằng cụm từ “người dưới 16 tuổi” tại các điều luật: Điều 123 (Tội giết người), Điều 124 (Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ), Điều 127 (Tội làm chết người trong khi thi hành công vụ), Điều 130 (Tội bức tử), Điều 133 (Tội đe dọa giết người). Việc thay từ “trẻ em” bằng cụm từ “người dưới 16 tuổi” còn giúp quy định của Bộ luật hình sự phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em (Điều 1, Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em năm 1989) và không cần thay đổi cho dù Luật trẻ em có thay đổi độ tuổi đối tượng được xác định là trẻ em (Mặc dù hiện nay Điều 1 Luật trẻ em 2016 vẫn quy định trẻ em là người “dưới 16 tuổi” nhưng có nhiều quan điểm cho rằng cần nâng độ tuổi của đối tượng được coi là trẻ em lên “dưới 18 tuổi” như quy định của Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em năm 1989).

[09]

## **Tiểu kết chương 1.**

Qua nội dung ở chương 1 này, sinh viên đã nêu được khái niệm của nhóm tội xâm phạm tính mạng con người, phân tích dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm tính mạng con người bao gồm khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, mặt chủ quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm và chế tài đối với nhóm tội phạm này. Bên cạnh đó tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của chế định các nhóm tội xâm phạm tính mạng con người trong pháp luật hình sự Việt Nam, những điểm mới về quy định các tội xâm phạm tính mạng của con người trong Bộ luật hình sự Việt Nam qua những lần sửa đổi, bổ sung.

## CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM TÍNH MẠNG CON NGƯỜI.

### 2.1 Pháp luật hình sự Việt Nam đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội xâm phạm tính mạng con người.

Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm hoặc thành lập, tham gia nhóm tội phạm. Chuẩn bị phạm tội mặc dù hành vi phạm tội chưa được thực hiện trên thực tế nhưng đối với một số tội phạm thì hành vi chuẩn bị phạm tội đã đe dọa cho xã hội một cách đặc biệt nguy hiểm. Chính vì vậy Bộ luật hình sự năm 2015 đã quy định cụ thể những tội danh mà người phạm tội mới chuẩn bị phạm tội đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự và phải chịu hình phạt.

Theo khoản 2 Điều 14 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

*“2. Người chuẩn bị phạm tội quy định tại một trong các điều 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 123, 134, 168, 169, 207, 299, 300, 301, 302, 303 và 324 của Bộ luật này thì phải chịu trách nhiệm hình sự.*

*3. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội quy định tại Điều 123, Điều 168 của Bộ luật này thì phải chịu trách nhiệm hình sự.” [05]*

Tại khoản 2 Điều 14 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định người chuẩn bị phạm tội giết người (Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015) thì sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự.

Theo khoản 3 Điều 123 Bộ luật hình sự 2015 quy định thì người chuẩn bị phạm tội giết người sẽ phải chịu hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Giữa định nghĩa khoa học và quy định của điều luật quy định về chuẩn bị phạm tội có sự khác nhau về cách diễn đạt còn về nội dung, có sự tương đồng về cơ bản. Quy định của điều luật về chuẩn bị phạm tội có phần mang tính liệt kê một số hình thức tương đối thông thường của hành vi chuẩn bị phạm tội - hành vi tạo điều kiện cho việc thực hiện tội phạm.

Theo định nghĩa khoa học và quy định của điều luật, chuẩn bị phạm tội có các dấu hiệu sau:

Thời điểm sớm nhất của chuẩn bị phạm tội là thời điểm người phạm tội bắt đầu có hành vi tạo điều kiện vật chất hoặc tinh thần giúp cho việc thực hiện hành vi phạm tội có thể xảy ra, xảy ra được thuận lợi, dễ dàng hơn. Thời điểm muộn nhất của chuẩn bị phạm tội là thời điểm trước khi người phạm tội bắt đầu thực hiện hành vi có tính gây thiệt hại được phản ánh trong cấu thành tội phạm. Đó là “ranh giới” giữa chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt.

Trong thực tế, hành vi chuẩn bị phạm tội có thể thể hiện ở một số dạng như:

- Chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội;
- Chuẩn bị kế hoạch phạm tội;
- Thăm dò địa điểm phạm tội;
- Thăm dò, làm quen với nạn nhân hoặc người bị hại;
- Loại trừ trước trở ngại khách quan;

Trong những dạng hành vi chuẩn bị phạm tội này, hành vi chuẩn bị công cụ, phương tiện là dạng tương đối phổ biến. Do vậy, Điều 14 bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi định nghĩa chuẩn bị phạm tội, xác định hành vi “*tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện*” phạm tội là nhóm hành vi chuẩn bị phạm tội thứ nhất; nhóm hành vi chuẩn bị phạm tội thứ hai là hành vi “*tạo ra những điều kiện cần thiết khác để thực hiện tội phạm*” và nhóm hành vi chuẩn bị phạm tội thứ ba là “*thành lập, tham gia nhóm tội phạm...*”. Trong đó, nhóm hành vi thứ nhất bao gồm những hành vi chuẩn bị xảy ra tương đối phổ biến hơn cả như hành vi mua, mượn, xin hoặc đặt làm hoặc tự chuẩn bị các thứ sẽ được sử dụng là công cụ, phương tiện phạm tội (mua, mượn súng; mua, xin a xít; tự tạo thiết bị nổ hẹn giờ V.V.).

Nhóm hành vi thứ hai bao gồm tất cả các hành vi tạo điều kiện vật chất hoặc tinh thần giúp cho việc thực hiện hành vi phạm tội có thể xảy ra hoặc xảy ra được thuận lợi, dễ dàng hơn mà không thuộc nhóm hành vi thứ nhất như chuẩn bị kế hoạch phạm tội; thăm dò địa điểm phạm tội; thăm dò, làm quen với nạn nhân; loại trừ trước trở ngại khách quan đối với hành vi phạm tội; v.v...

Nhóm hành vi thứ ba mới được bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hành vi thành lập và hành vi tham gia nhóm tội phạm là hành vi cần thiết cho sự hình thành nhóm có mục đích thực hiện tội phạm cụ thể. Sự hình thành nhóm

tội phạm như vậy là cơ sở cần thiết hoặc thuận lợi cho việc thực hiện tội phạm. Do vậy, hành vi thành lập cũng như hành vi tham gia nhóm tội phạm được coi là hành vi tạo điều kiện cần thiết để thực hiện tội phạm.

Chuẩn bị phạm tội tuy là trường hợp chưa thực hiện tội phạm nhưng với tính chất là hành vi tạo điều kiện cần thiết cho việc thực hiện tội phạm, hành vi chuẩn bị phạm tội hợp thành thể thống nhất với hành vi thực hiện tội phạm. Việc thực hiện tội phạm có thể xảy ra hay không và xảy ra như thế nào, rõ ràng có sự phụ thuộc nhất định vào hành vi chuẩn bị phạm tội. Do vậy, hành vi chuẩn bị đã có tính nguy hiểm cho xã hội. Hơn nữa, việc phải dừng lại không thực hiện được tội phạm là do nguyên nhân ngoài ý muốn, còn người phạm tội vẫn mong muốn thực hiện tội phạm. Như vậy, vấn đề trách nhiệm hình sự có thể được đặt ra cho chuẩn bị phạm tội là có cơ sở. Tuy nhiên, luật hình sự Việt Nam không đặt vấn đề trách nhiệm hình sự của chuẩn bị phạm tội như phạm tội chưa vì tính nguy hiểm cho xã hội của hai trường hợp này có sự khác nhau.

Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, trách nhiệm hình sự với hành vi chuẩn bị phạm tội chỉ được giới hạn trong 2 tội phạm thuộc chương các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người và chương các tội xâm phạm sở hữu. Đó là tội giết người và tội cướp tài sản.

Như vậy, so với Bộ luật hình sự năm 1999, bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 giới hạn phạm vi các hành vi chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự hẹp hơn và có sự phân biệt giữa trường hợp chủ thể từ đủ 16 tuổi trở lên với trường hợp chủ thể từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Cùng với việc giới hạn các tội danh mà chủ thể phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi chuẩn bị phạm tội, Bộ luật hình sự 2015 còn quy định khung hình phạt riêng cho chuẩn bị phạm tội ở các tội mà chuẩn bị phạm tội cũng phải chịu trách nhiệm hình sự với mức nhẹ hơn so với các khung hình phạt cho tội phạm hoàn thành cũng như cho phạm tội chưa đạt.

## **2.2 Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội giết người.**

Khái niệm tội giết người là hành vi cố ý gây ra cái chết cho người khác một cách trái pháp luật, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 14 tuổi trở lên thực hiện. [10]

### **Các yếu tố cấu thành cơ bản của tội giết người.**

#### ***Mặt khách quan của tội phạm:***

- *Về hành vi*: Người phạm tội dùng mọi thủ đoạn nhằm tước đoạt mạng sống của người khác. Hành vi này có thể được thể hiện dưới hai dạng hành vi khác nhau là hành vi hành động và hành vi không hành động, cụ thể như sau:

+ Đối với hành vi hành động: Người phạm tội cố tình thực hiện các hành vi trái pháp luật nhằm tước đoạt mạng sống người khác.

+ Đối với hành vi không hành động: Người phạm tội không thực hiện nghĩa vụ phải làm để cứu giúp người khác nhằm tước đoạt mạng sống người khác.

- *Về hậu quả*: Tước đoạt hoặc đe dọa tước đoạt mạng sống của người khác (Mục đích của người phạm tội là tước đoạt mạng sống của người khác, nhưng việc người đó không chết là nằm ngoài mục đích của người phạm tội).

#### ***Mặt chủ quan của tội phạm:***

- *Về lỗi*: Người thực hiện hành vi do lỗi cố ý, bao gồm lỗi cố ý trực tiếp và lỗi cố ý gián tiếp.

+ Theo đó, theo quy định tại Bộ luật hình sự 2015 thì cố ý phạm tội trực tiếp là hành vi của người phạm tội, mà khi đó người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình có thể tước đoạt mạng sống của người khác, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả đó xảy ra.

+ Còn cố ý phạm tội gián tiếp là hành vi của người phạm tội, mà khi đó người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình có thể tước đoạt mạng sống của người khác,

thấy trước hậu quả của hành vi đó có thể xảy ra, tuy không mong muốn nhưng vẫn có ý thức đề mặc cho hậu quả đó xảy ra.

- *Mục đích*: Nhằm tước đoạt mạng sống của người khác. [11]

***Khách thể của tội phạm:***

Tội phạm xâm phạm đến mối quan hệ liên quan đến tính mạng của con người được pháp luật hình sự bảo vệ; quyền được sống của con người được pháp luật bảo vệ.

***Chủ thể của tội phạm:***

Người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự đầy đủ.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: *“Phạm tội không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.”* Thì đây là cấu thành tội phạm cơ bản của tội giết người. Hình phạt đối với hành vi giết người thông thường này chỉ có một loại hình phạt chính đó là tù có thời hạn. Với mức thấp nhất của khung hình phạt là 07 năm tù và mức cao nhất là 15 năm tù.

Tuy nhiên theo khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự 2015 quy định: *“Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình thì áp dụng hình phạt tù không quá 20 năm; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định.”*

Như vậy, nếu người phạm tội giết người cơ bản chưa đạt thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng là không quá ba phần tư mức phạt tù được quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 (15x 3/4 năm tù)

Bên cạnh đó, Điều 101 Bộ luật hình sự 2015 quy định về mức phạt tù có thời hạn đối với trường hợp người phạm tội là người dưới 18 tuổi: *“Mức phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định như sau:*

*1. Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 18 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định;*

*2. Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 12 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định.”*

Như vậy, trong trường hợp người phạm tội giết người cơ bản là người dưới 18 tuổi thì mức hình phạt cao nhất mà người đó có thể bị áp dụng là không quá 15x 3/4 năm tù. [04, tr.54]

Ngoài hình phạt chính nêu trên thì người phạm tội còn có thể bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm theo quy định tại khoản 4 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015.

### **Pháp luật hình sự Việt Nam về tình tiết định khung tăng nặng của tội xâm phạm tính mạng con người.**

Tội giết người tùy từng trường hợp mà tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng. Xét theo cơ cấu khung hình phạt của Tội giết người so với các tội phạm khác trong Bộ luật hình sự năm 2015 có điểm khác nhau cơ bản đó là: Các tội phạm khác thường sắp xếp theo khung hình phạt tăng dần với khoản 1 là cấu thành cơ bản, còn đối với Tội giết người thì khung cấu thành tăng nặng lại quy định tại khoản 1 của Điều luật.

Khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định hình phạt từ mười hai đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình, áp dụng đối với trường hợp phạm tội thuộc một trong các tình tiết định khung tăng nặng từ điểm a đến điểm q.

### ***Giết 02 người trở lên; (điểm a khoản 1 Điều 123)***

Là trường hợp (có ý định giết người hoặc có ý thức để mặc cho hậu quả chết người xảy ra) đối với hai người trở lên, có thể cùng một lần hoặc nhiều lần khác nhau.

Nếu người phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp thì hậu quả chết người có thể chỉ là chết một người (chỉ cần người phạm tội mong muốn giết nhiều người) cũng xem là giết nhiều người. Tuy nhiên, nếu là lỗi cố ý gián tiếp thì hậu quả “chết nhiều người” là dấu hiệu bắt buộc để áp dụng tình tiết này. Trong trường hợp người phạm tội chỉ giết một người do cố ý, người khác là làm chết người do vô ý sẽ xét xử người phạm tội theo tội danh khác (vô ý làm chết người). Ngoài ra, nếu có từ hai người chết trở lên, nhưng chỉ có một người chết do sự cố ý của người phạm tội, những người còn lại chết do người phạm Tội giết người trong trường hợp tinh thần bị kích động mạnh, hoặc giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng... thì người phạm tội cũng không bị áp dụng tình tiết “Giết nhiều người”, trường hợp này sẽ định nhiều tội. [12]

### ***Giết người dưới 16 tuổi; (điểm b khoản 1 Điều 123)***

Tội này thể hiện bản tính hèn hạ và độc ác của người phạm tội. Phá vỡ hạnh phúc gia đình gây tổn thất mát mát cho người thân nạn nhân. Làm lụi tàn thế hệ tương lai đất nước. Theo quan điểm bảo vệ trẻ em là bảo vệ tương lai đất nước, bảo vệ lớp người kế tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, bảo vệ những người không có khả năng tự vệ.

Là trường hợp người phạm tội cố ý tước đoạt tính mạng của trẻ em. Theo Điều 1 của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em thì trẻ em là người dưới 16 tuổi. Giết trẻ em được coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, không chỉ xuất phát quan điểm bảo vệ trẻ em là bảo vệ tương lai của đất nước mà còn bảo vệ người không có khả năng tự vệ. Như vậy, những hành vi giết người dưới 16 tuổi, theo quy định của Bộ luật hình sự 2015, đều bị coi là tình tiết định khung tăng nặng theo khoản 1 Điều 123, bất kể người phạm tội có nhận thức được điều đó hay không (tình tiết mang

tính khách quan). Khi áp dụng tình tiết này, chúng ta cần hết sức chú ý phải xác định tuổi của bị hại theo các tài liệu liên quan đến ngày sinh của bị hại. Trường hợp không có tài liệu để xác định và việc xác minh cũng không chính xác thì áp dụng cách tính tuổi của bị hại theo hướng có lợi cho người phạm tội. [12]

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, khi không có cơ sở chính xác để xác định tuổi của bị hại thì theo nguyên tắc:

Nếu chỉ biết được tháng sinh mà không xác định được ngày sinh thì lấy ngày cuối cùng của tháng đó làm ngày sinh. Nếu chỉ biết được quý nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng của quý đó làm ngày, tháng sinh. Nếu chỉ biết được nửa năm nhưng không xác định được ngày tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong nửa năm đó làm ngày sinh. Trường hợp xác định được năm sinh nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng của năm đó làm ngày tháng năm sinh. Trường hợp kết quả giám định tuổi chỉ xác định được khoảng độ tuổi của người bị buộc tội, người bị hại thì lấy tuổi thấp nhất trong khoảng độ tuổi đã xác định để xác định tuổi của họ.

### ***Giết phụ nữ mà biết là có thai; (điểm c khoản 1 Điều 123)***

Là trường hợp nạn nhân bị giết đang mang thai và bản thân người phạm tội khi thực hiện hành vi giết người đã nhận thức được điều đó (không kể nạn nhân có thai bao lâu). Cũng áp dụng tình tiết này nếu người phạm tội tưởng nhầm một người phụ nữ đang có thai dù thực tế người này không đang có thai.

Ngược lại, nếu giết phụ nữ có thai nhưng người phạm tội không nhận thức được thì không áp dụng tình tiết này. Ví dụ: A và B là hàng xóm của nhau, do có mâu thuẫn nên hai bên cãi nhau rồi lao vào đánh nhau, A dùng cây đánh vào bụng và đầu chị B nên chị B chết sau đó vài giờ. Khi khám nghiệm tử thi mới biết bị B có thai hơn hai tháng (chưa có biểu hiện ra bên ngoài là đang mang thai). Giết phụ nữ mà biết là có thai thì dấu hiệu thuộc ý thức chủ quan của người phạm tội. Tình tiết này khác với tình tiết tăng nặng (tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015)

“người bị hại là phụ nữ có thai” đối với tình tiết tăng nặng này, chỉ cần nạn nhân là phụ nữ có thai thì có thể áp dụng, không cần biết người phạm tội có biết dấu hiệu này hay không.

***Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân;  
(điểm d khoản 1 Điều 123)***

Giết người đang thi hành công vụ là trường hợp giết người mà nạn nhân là người đang thi hành công vụ. Người đang thi hành công vụ có thể đang thực hiện một công việc đương nhiên theo quy định của nghề nghiệp (chiến sĩ công an đang làm nhiệm vụ; Thẩm phán đang xét xử tại phiên tòa; thầy thuốc đang chữa bệnh; thầy giáo đang giảng bài; cán bộ kiểm lâm làm nhiệm vụ; cán bộ thuế đang thu thuế; thanh niên cò đò, dân quân tự vệ đang làm nhiệm vụ bảo vệ trật tự nơi công cộng ...), cũng có thể là người tình nguyện đang tham gia bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong một số trường hợp nhất định như: Đuổi bắt người phạm tội bỏ trốn; can ngăn hòa giải những vụ đánh nhau ở nơi công cộng...). Nạn nhân bị chết phải đang làm nhiệm vụ và nhiệm vụ đó phải hợp pháp thì tình tiết “giết người đang thi hành công vụ” mới được áp dụng.

Giết người vì lý do công vụ của nạn nhân là trường hợp giết người mà động cơ của hành vi giết người gắn liền với việc thi hành công vụ của nạn nhân; giết nạn nhân để không cho nạn nhân thi hành công vụ hay giết nạn nhân để trả thù việc nạn nhân đã thi hành công vụ. Trường hợp này, người phạm tội giết nạn nhân không phải đang thi hành công vụ mà có thể trước hoặc sau khi thi hành công vụ. Công vụ ở đây được hiểu là những công việc mà việc thực hiện những công việc đó đòi hỏi người thi hành công vụ phải có những quyền hành nhất định với những công dân khác. Tính nguy hiểm của hành vi giết người này là ở chỗ nó không chỉ xâm phạm đến tính mạng của con người mà đồng thời còn xâm phạm nghiêm trọng đến trật tự công cộng, cản trở đến hoạt động chung của xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an.

[12]

***Giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình; (điểm đ khoản 1 Điều 123)***

Đây là trường hợp giết người mang tính chất vô đạo đức, bội bạc, giết người mà người bị giết đáng lẽ phải kính trọng. Việc nhà làm luật coi trường hợp này là trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự là xuất phát từ truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam, truyền thống tôn sư trọng đạo.

Giết ông, bà: có thể là ông, bà nội hay ông, bà ngoại của người phạm tội;

Giết cha, mẹ: Cha mẹ ruột hay cha mẹ nuôi, cha mẹ vợ hay cha mẹ chồng của người có hành vi phạm tội; người nuôi dưỡng là người có công chăm nuôi, giáo dục và dạy dỗ người phạm tội như cô, chú, cậu, mợ ... nuôi cháu. Hoặc tuy không phải là người thân thích với người phạm tội trong các trại mồ côi, cơ sở điều dưỡng.

Giết thầy cô giáo của mình: Là những người đã hoặc đang dạy dỗ mình theo quy định của Luật giáo dục và việc giết người đó phải xuất phát từ mối quan hệ tình thầy trò.

Nếu người phạm tội giết thầy, cô vì một động cơ khác ngoài mối quan hệ thầy trò thì không áp dụng tình tiết này. Ví dụ: A và B có mối quan hệ tình cảm là hàng xóm của nhau và học chung một trường. B hay phàn nàn với A về việc bị C (giáo viên của B) quấy rối tình dục mình. Bực tức vì bạn gái bị quấy rối nên A đã lập kế hoạch dùng dao đâm C để cảnh cáo nhưng do vết thương quá mạnh nên C đã tử vong.

***Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; (điểm e khoản 1 Điều 123)***

Đây là trường hợp giết người mà liền trước hoặc ngay sau hành vi giết người, người phạm tội giết người đã phạm thêm một hoặc nhiều tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng khác tức là tội có mức hình phạt tối thiểu của khung hình phạt phạm phải là trên 7 năm tù.

Với việc liên tiếp phạm tội như vậy chứng tỏ người phạm tội là phần tử nguy hiểm, có ý thức phạm tội sâu sắc. Điều đó làm tăng tính nguy hiểm của hành vi phạm tội giết người, cũng như phản ánh khả năng khó cải tạo, giáo dục người phạm tội. Không có văn bản xác định như thế nào là “liền trước” hoặc “liền sau”. Tuy nhiên, theo thực tiễn xét xử, “liền trước” hoặc “liền sau” được xác định là trong khoảng thời gian vài giờ hoặc hai hành vi được thực hiện liền ngay sau hành vi giết người. Nếu thời gian dài hơn thì không áp dụng tình tiết này. [12]

### ***Để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác; (điểm g khoản 1 Điều 123)***

Là những trường hợp giết người mà động cơ thúc đẩy người phạm tội có hành vi giết người là việc thực hiện một tội phạm khác (ví dụ, muốn trốn khỏi nơi giam nên đã giết người canh gác). Tội phạm khác là bất kỳ tội phạm nào được quy định trong Bộ luật hình sự. Khác với tình tiết “giết người mà liền sau đó lại phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng” ở chỗ: Thời gian giết người và sau đó phạm tội khác có thể có khoảng thời gian dài nhất định; và lại, hành vi giết người có mối quan hệ mật thiết và là tiền đề của “tội phạm khác”.

Trường hợp trước khi giết người, người có hành vi giết người đã thực hiện một tội phạm và để che giấu tội phạm đó nên người phạm tội đã giết người. Thông thường sau khi phạm một tội có nguy cơ bị lộ, người phạm tội cho rằng chỉ có giết người thì tội phạm này đã thực hiện mới không bị phát hiện, người bị giết trong trường hợp này thường là người đã biết hành vi phạm tội của người phạm tội hoặc cùng thực hiện tội phạm.

Giữa hành vi giết người của người phạm tội với tội phạm mà y đã thực hiện phải có mối quan hệ với nhau. Nhưng mối liên hệ ở đây không phải là tiền đề hay phương tiện như trường hợp giết người để thực hiện tội phạm khác mà chỉ là thủ đoạn để che giấu tội phạm.

Về thời gian: tội phạm mà người có hành vi giết người muốn che giấu có thể xảy ra liền ngay trước đó một thời gian nhất định. Nếu xảy ra liền trước đó lại là tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng khác và không có mối liên hệ

với tội giết người thì không thuộc trường hợp phạm tội này mà thuộc trường hợp giết người mà liền trước đó phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng khác.

***Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân; (điểm h khoản 1 Điều 123)***

Do sự phát triển của khoa học kỹ thuật trong thời đại hiện nay, một số bộ phận trong cơ thể con người có thể cấy, ghép, thay thế được như gan, tim, thận, mắt. Do nhu cầu cần thay thế thì nhiều mà các bộ phận cơ thể để thay thế thì rất hạn chế, một số người có rất nhiều tiền nhưng không thể mua được các bộ phận cơ thể để thay thế, do đó không loại trừ khả năng giết người chỉ lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân. Trong những trường hợp này thường có sự thông đồng với bác sĩ phẫu thuật.

Cần xác định rằng, nếu người phạm tội giết người không phải vì lý do để lấy các bộ phận cơ thể của người đó, song vì quá căm tức nên đã lấy bộ phận cơ thể người đó ném đi hoặc cho thú ăn thì không áp dụng tình tiết này.

***Thực hiện tội phạm một cách man rợ; (điểm i khoản 1 Điều 123)***

Là trường hợp giết người một cách đặc biệt tàn ác, dã man làm cho nạn nhân đau đớn rất nhiều trước khi chết (giết bằng cách hành hạ, tra tấn cho đến chết ...); hoặc gây ra cho người khác sự khủng khiếp, rùng rợn vì căm tức nạn nhân hay nhằm che giấu tội phạm (sau khi giết người chặt rời chân tay, đầu nạn nhân ra thành từng mảnh và vứt ở những nơi khác nhau). Đây là trường hợp giết người một cách đặc biệt tàn ác, dã man, làm cho nạn nhân đau đớn, quằn quại trước khi chết như: mổ bụng, moi gan, khoét mắt, chặt chân tay, xẻo thịt, tra tấn cho đến chết... hoặc gây cho người khác sự khủng khiếp, rùng rợn vì căm tức nạn nhân hay nhằm che giấu tội phạm như: Chặt rời chân tay, đầu nạn nhân ra thành từng mảnh và vứt ra ở những nơi khác nhau. Các hành vi trên người phạm tội thực hiện trước khi phạm tội hoàn thành, tức là trước khi nạn nhân bị chết. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cũng đã coi các hành vi nêu trên là những hành vi có tính man rợ, nhưng không phải là thực hiện tội phạm mà là để che giấu tội phạm, là trường hợp “thực hiện tội phạm một cách man rợ”. Ví dụ: sau khi nạn nhân đã chết, người phạm tội cắt xác nạn nhân ra thành nhiều

phần đem vớt ra khắp nơi để phi tang. Đây là vấn đề lý luận cũng còn nhiều ý kiến khác nhau, nhưng nếu coi cả những hành vi có tính chất man rợ nhằm che giấu Tội giết người cũng là “thực hiện tội phạm một cách man rợ” thì nên quy định trường hợp phạm tội này là “phạm tội một cách man rợ” vì phạm tội bao hàm cả hành vi che giấu tội phạm, còn thực hiện tội phạm mới chỉ mô tả những hành vi khách quan và ý thức chủ quan của cấu thành Tội giết người.

***Bằng cách lợi dụng nghề nghiệp; (điểm k khoản 1 Điều 123)***

Là trường hợp người phạm tội bằng cách lợi dụng nghề nghiệp của mình để có thể dễ dàng thực hiện hoặc che giấu hành vi giết người. Ví dụ: Bác sĩ lợi dụng nghề nghiệp để giết người là bệnh nhân của mình, bảo vệ bắn chết người khác rồi vu cho là kẻ cướp... Tuy nhiên, phải xác định rõ người phạm tội đã lợi dụng nghề nghiệp của mình để giết người thì mới thuộc trường hợp này. Có khi người phạm tội không có nghề nghiệp này nhưng lợi dụng người có nghề nghiệp đó rồi thông qua người này thực hiện ý đồ của mình thì không thuộc trường hợp phạm tội này. Ví dụ: A có mâu thuẫn với B, nhân cơ hội B đang nằm điều trị tại bệnh viện nên A đã đánh tráo ống thuốc tiêm của y tá điều trị, thay vào đó một ống thuốc giả có nhãn hiệu như ống thuốc thật nhưng có độc tố mạnh để mượn tay người y tá giết chết bệnh nhân vì thù oán.

***Bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người; (điểm l khoản 1 Điều 123)***

Là trường hợp người phạm tội đã sử dụng những công cụ, phương tiện cũng như những thủ đoạn phạm tội mà những công cụ, phương tiện, thủ đoạn phạm tội này đặt trong hoàn cảnh cụ thể có khả năng làm chết người mà người phạm tội mong muốn nhưng cũng có thể là người khác. Có thể chết nhiều người và cũng có thể không ai bị chết. Tuy nhiên, nếu không có ai bị chết thì người phạm tội được áp dụng Điều 15 Bộ luật hình sự 2015 về trường hợp “giết người chưa đạt”.

***Thuê giết người hoặc giết người thuê; (điểm m khoản 1 Điều 123)***

Thuê giết người: Là trường hợp người phạm tội trả cho người khác một khoản tiền hoặc lợi ích vật chất khác để người này giết người mà người phạm tội mong muốn. Người thuê là chủ mưu, người trực tiếp giết người trong trường hợp này là người giết thuê.

Giết người thuê: Là trường hợp người phạm tội nhận tiền hoặc một khoản lợi ích vật chất khác để giết người theo ý muốn của người khác này.

Trước đây, những hành vi phạm tội thuê giết người hoặc giết người thuê bị coi là phạm tội có động cơ đê hèn, nhưng nay Bộ luật hình sự 2015 có quy định hành vi này nên chúng ta không coi trường hợp này là giết người có động cơ đê hèn nữa mà chỉ coi là trường hợp thuê giết người hoặc giết người thuê. Thông thường, thuê giết người hoặc giết người thuê được xem là giết người có tổ chức. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, hành vi này chỉ xem là đồng phạm bình thường.

### ***Có tính chất côn đồ; (điểm n khoản 1 Điều 123)***

Là trường hợp phạm tội mà tất cả các tình tiết của vụ án thể hiện người phạm tội là người có tính hung hãn cao độ, rất coi thường tính mạng của người khác mà sẵn sàng giết người vô cớ hoặc vì những nguyên cớ nhỏ nhặt. Tuy nhiên, việc xác định trường hợp có tính chất côn đồ không phải bao giờ cũng dễ dàng như các trường hợp giết người khác được quy định tại Khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự 2015. Thực tiễn xét xử không ít trường hợp giết người không thuộc các trường hợp khác quy định tại Khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự 2015 thì các Tòa án thường xác định giết người có tính chất côn đồ. Nhiều bản án đã bị kháng nghị theo thủ tục Giám đốc thẩm hoặc bị Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân tối cao sửa bản án sơ thẩm vì xác định không đúng tình tiết này. Đây cũng là vấn đề hiện nay còn nhiều vướng mắc và cũng là vấn đề phức tạp có nhiều ý kiến khác nhau. Việc tổng kết kinh nghiệm xét xử về vấn đề này chưa đáp ứng tình hình phạm tội xảy ra; do đó, ảnh hưởng không ít đến việc áp dụng pháp luật. Khi xác định trường hợp giết người có tính chất côn đồ cần phải có quan điểm xem xét toàn diện, tránh xem xét một cách phiến diện như: Chỉ nhấn mạnh đến nhân thân người phạm tội, địa điểm xảy ra vụ giết người...

mà cần xem xét đến mối quan hệ giữa người phạm tội với nạn nhân, thái độ của người phạm tội khi gây án, nguyên nhân nào dẫn đến việc người phạm tội phạm Tội giết người.

***Có tổ chức; (điểm o khoản 1 Điều 123)***

Là trường hợp đồng phạm giết người một cách chặt chẽ, ở hình thức có tổ chức, có sự sắp xếp, bàn bạc, thỏa thuận trước về việc giết người.

***Tái phạm nguy hiểm; (điểm p khoản 1 Điều 123)***

Giết người thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm: Là những trường hợp phạm Tội giết người mà người phạm tội đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội hoặc đã tái phạm, chưa xóa được án tích mà lại phạm tội.

Trường hợp trước khi giết người, người phạm tội đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý hoặc đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý (khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự 2015). Ví dụ: A đã bị kết án 10 năm tù về tội cố ý gây thương tích nhưng chưa được xóa án tích lại phạm tội giết người.

***Vì động cơ đê hèn. (điểm q khoản 1 Điều 123)***

Là những trường hợp giết người mà tính chất của động cơ phạm tội đã làm mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm tăng lên một cách đáng kể so với những trường hợp bình thường khác. Qua tổng kết công tác xét xử, những hành vi giết người vì động cơ sau đây sẽ bị xem là động cơ đê hèn:

- + Giết vợ hoặc chồng để tự do lấy vợ hoặc chồng khác;
- + Giết vợ hoặc chồng để lấy chồng hoặc vợ nạn nhân;
- + Giết người để cướp tài sản;
- + Giết ân nhân của mình;

- + Giết người tình mà biết là có thai với mình để trốn tránh trách nhiệm;
- + Giết chủ nợ để trốn nợ.

### **2.3 Quy định pháp luật hình sự Việt Nam về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ.**

Điều 124. Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ.

Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ là hành vi người mẹ giết chết hoặc vứt bỏ đứa con mà mình vừa sinh ra trong 07 ngày tuổi do trạng thái tinh thần không bình thường, các định kiến xã hội hoặc tư tưởng lạc hậu.

**Khách thể của tội phạm:** Tội phạm giết con mới đẻ và vứt con mới đẻ đã trực tiếp xâm hại quyền sống của con người, quyền trẻ em – quyền được tôn trọng và bảo vệ tính mạng. Đối tượng tác động của tội phạm là con mới đẻ trong vòng bảy ngày tuổi và việc định tội danh này thì cần xác định đúng thể nào là “con mới đẻ”. Theo Bộ luật Hình sự Việt Nam hiện hành thì đối tượng tác động của tội giết con mới đẻ và vứt con mới đẻ là đứa trẻ phải còn sống và trong vòng bảy ngày kể từ khi đứa trẻ được sinh ra đến khi bị xâm hại. Theo đó, nếu hành vi xâm phạm đến đứa trẻ từ ngày thứ tám trở đi thì đối tượng tác động của tội phạm giết con mới đẻ và vứt con mới đẻ không còn là “con mới đẻ” và lúc này đối tượng tác động của tội phạm sẽ chuyển sang tội phạm khác.

**Mặt khách quan của tội phạm:** Hành vi phạm tội của tội phạm này bao gồm hành vi giết (đâm, chém, bóp cổ, đầu độc...) con mới đẻ hoặc hành vi vứt (bỏ rơi, để tại một nơi nào đó...) con mới đẻ và những hành vi này mang tính nguy hiểm cho xã hội xâm hại quyền sống của con người, của trẻ em. Hành vi giết con mới đẻ cũng được hiểu là hành vi giết người, tuy nhiên đây là trường hợp đặc biệt do có các điều kiện đặc biệt. Hành vi vứt con mới đẻ là hành vi bỏ đứa trẻ ở bất kỳ địa điểm nào, xong có cùng hậu quả với hành vi giết con mới đẻ là dẫn đến đứa trẻ bị chết. Hậu quả đứa trẻ bị chết là hậu quả bắt buộc của tội phạm này, do đó, nếu người mẹ có hành vi trước đoạt tính mạng đứa trẻ hoặc có hành vi vứt con mới đẻ nhưng hậu quả

đứa trẻ chết không xảy ra thì chưa cấu thành tội giết con mới đẻ và như vậy tội giết con mới đẻ không có trường hợp phạm tội chưa đạt.

***Chủ thể của tội phạm:*** Chủ thể tội phạm là con người hoặc pháp nhân đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội khi chủ thể có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi do pháp luật hình sự quy định (đối với chủ thể là con người). Trong trường hợp phạm tội giết con mới đẻ hay vứt con mới đẻ thì chủ thể của tội phạm này là chủ thể đặc biệt đó chính người mẹ của đứa trẻ đang còn trong trạng thái mới sinh con có năng lực trách nhiệm hình sự, khi thực hiện hành vi người mẹ có khả năng nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và làm chết đứa trẻ tuy nhiên họ vẫn mong muốn hậu quả xảy ra.

***Mặt chủ quan của tội phạm:*** Lỗi, động cơ phạm tội và mục đích phạm tội. Có thể thấy rằng, trong trường hợp này, lỗi người mẹ phạm tội giết con mới đẻ và vứt con mới đẻ là lỗi cố ý khi mà có cùng dấu hiệu chung là đứa trẻ chết. Khi thực hiện hành vi giết con mới đẻ hay vứt bỏ con mới đẻ thì người mẹ đã lường trước được sự nguy hiểm của mình dẫn đến hậu quả là đứa trẻ bị chết tuy nhiên họ vẫn mặc cho sự việc xảy ra thì đây là hành vi phạm tội với lỗi cố ý. [13]

***Về hình phạt:*** Hành vi này sẽ bị xử phạt tối đa 03 năm về Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ theo Điều 124 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017.

Tội giết con mới đẻ là trường hợp phạm tội của người mẹ do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà giết con mới đẻ hoặc vứt bỏ đứa trẻ đó dẫn đến hậu quả đứa trẻ chết. Đây là trường hợp phạm tội được tách ra từ khoản 4 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 1985, vì nếu quy định trường hợp giết con mới đẻ cũng là tội giết người thì tội giết người quy định tại Điều 123 thì không thể hiện đầy đủ bản chất của tội phạm, bởi vì khi tuyên án Tòa án vẫn phải kết án cho người phạm tội về tội giết người, nhưng hình phạt cao nhất chỉ có hai năm tù, chưa kể hậu quả pháp lý về xã hội đối với người phạm tội rất nặng nề. Việc nhà làm luật tách hành vi giết con mới đẻ thành một tội phạm riêng là hoàn toàn phù hợp với thực tiễn xét xử và chuẩn hóa về mặt lập pháp.

Ngoài người mẹ của nạn nhân ra, không ai có thể là chủ thể của tội phạm này. Nhưng ngay cả là mẹ của nạn nhân cũng chỉ coi là chủ thể của tội này khi người mẹ vì ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà buộc phải giết hoặc vứt bỏ đứa con do mình mới đẻ ra. Nếu vì lý do khác mà giết hoặc vứt bỏ con do mình mới đẻ ra thì không thuộc trường hợp phạm tội này.

Trường hợp đứa trẻ bị người mẹ giết hoặc vứt bỏ dẫn tới bị chết trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn là trường hợp sau khi sinh con, người mẹ không có khả năng để nuôi con mình, như: bị mất sữa lại bị bệnh nặng hoặc trong hoàn cảnh khách quan ngặt nghèo khác.

Pháp luật quy định đứa trẻ sinh ra được bao nhiêu ngày thì gọi là mới đẻ. Thực tiễn xét xử ở nước ta coi đứa trẻ mới đẻ bị người mẹ giết hoặc vứt bỏ là đứa trẻ sau khi ra đời dài nhất là 7 ngày. Kể từ ngày thứ 8 trở đi, nếu người mẹ giết con mình thì không được coi là giết con mới đẻ nữa.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây do kinh tế - xã hội phát triển, các phương tiện thông tin đại chúng đã tuyên truyền chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến tận làng xa xôi hẻo lánh. Trình độ dân trí ngày càng được nâng cao, các vụ giết trẻ sơ sinh hoặc vứt bỏ con mới đẻ đã hầu như không xảy ra.

Đứa trẻ mới đẻ bị giết hoặc bị vứt bỏ phải bị chết thì người mẹ mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội giết con mới đẻ, nếu người mẹ có hành vi trước đoạt tính mạng đứa trẻ hoặc có hành vi vứt con mới đẻ, nhưng đứa trẻ không bị chết thì chưa cấu thành tội giết con mới đẻ và như vậy tội giết con mới đẻ không có trường hợp phạm tội chưa đạt.

## **2.4 Quy định pháp luật hình sự Việt Nam về tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.**

Điều 125. Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Trạng thái tinh thần bị kích động mạnh của người phạm tội là trạng thái tâm lý của người đó đã không hoàn toàn làm tự chủ, tự kiềm chế, kiểm soát được hành vi của bản thân do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người phạm tội hoặc đối với người thân của người phạm tội gây ra.

Hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân có thể chỉ là một hành vi cụ thể và tức thì dẫn đến trạng thái thần kinh bị kích động mạnh của người phạm tội. Đến thời điểm nào đó, khi có hành vi trái pháp luật cụ thể xảy ra thì trạng thái tinh thần của người phạm tội bị đẩy đến cao độ và người phạm tội lâm vào trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân có thể là đối với chính người phạm tội hoặc có thể là đối với người khác có quan hệ tình cảm thân thuộc với người phạm tội.

***Mặt khách quan của tội phạm:***

***Về hành vi:***

+ Là hành vi của một người giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Trạng thái tinh thần bị kích động mạnh ở đây có thể được hiểu là trạng thái tâm lý của người đó đã không hoàn toàn làm tự chủ, tự kiềm chế, kiểm soát được hành vi của bản thân xuất phát từ hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của người bị hại (dấu hiệu bắt buộc).

+ Hành vi giết người phải xuất phát từ hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của chính người bị hại đối với chính người phạm tội hoặc người thân thích của người phạm tội.

Hành vi trái pháp luật nghiêm trọng ở đây có thể được hiểu là các hành vi xâm phạm nghiêm trọng đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người phạm tội hoặc của người thân thích của họ được pháp luật bảo vệ.

***Về mặt hậu quả:*** Tước đoạt mạng sống của người khác.

***Mặt chủ quan của tội phạm:***

**Về lỗi:** Người thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp hoặc do lỗi cố ý gián tiếp.

Theo đó, theo quy định tại Bộ luật hình sự 2015 thì cố ý phạm tội trực tiếp là hành vi của người phạm tội, mà khi đó người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là rất nguy hiểm sẽ tước đoạt đi mạng sống của người bị hại, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả đó xảy ra.

Còn cố ý gián tiếp là người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình có thể tước đoạt mạng sống của người bị hại, thấy trước hậu quả của hành vi đó có thể xảy ra, tuy người phạm tội không mong muốn nhưng vẫn có ý thức để mặc cho hậu quả đó xảy ra.

**Mục đích:** Nhằm tước đoạt mạng sống của người khác.

***Khách thể của tội phạm:*** Tội phạm xâm phạm đến mối quan hệ liên quan đến tính mạng của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ; xâm phạm đến quyền được sống của cá nhân được pháp luật bảo vệ. [14]

***Chủ thể của tội phạm:*** Người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự đầy đủ.

***Về khung hình phạt:***

Khoản 1 của điều luật quy định khung hình phạt cho trường hợp phạm tội bình thường của tội phạm này có mức phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Khung hình phạt này là nhẹ hơn so với các khung hình phạt của tội "Giết người" vì đây là trường hợp giết người có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đặc biệt. Cụ thể: Người phạm tội đã thực hiện hành vi giết người trong tình trạng khả năng nhận thức và kiềm chế đều bị hạn chế ở mức cao và hơn nữa tình trạng đó lại do chính nạn nhân gây ra. Như vậy, trong trường hợp phạm tội này, mức độ lỗi của chủ thể phạm tội là hạn chế và nạn nhân cũng có lỗi. Khoản 2 của điều luật quy định khung hình phạt tăng nặng

có mức phạt tù từ 03 năm tù đến 07 năm tù được áp dụng cho trường hợp giết từ 02 người trở lên.

## **2.5 Quy định pháp luật hình sự Việt Nam về tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội.**

Điều 126. Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội.

Phòng vệ chính đáng và gây thiệt hại trong khi trong khi bắt giữ người phạm tội là 02 trong 07 trường hợp được loại trừ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 22 và Điều 24 Bộ luật Hình sự 2015. Có nghĩa là con người có quyền phòng vệ chính đáng và bắt giữ người phạm tội. Tuy nhiên, quyền này được giới hạn ở “mức cần thiết”.

Điều 22 Bộ luật Hình sự 2015 quy định “vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại. Theo đó, giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là trường hợp người phòng vệ chính đáng thực hiện hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết gây ra hậu quả chết người. Tội phạm này xâm hại trực tiếp đến tính mạng con người.

Điều 24 Bộ luật Hình sự 2015 quy định “gây thiệt hại quá mức cần thiết trong khi bắt giữ người phạm tội” là trường hợp gây thiệt hại do sử dụng vũ lực rõ ràng vượt quá mức cần thiết, thì người gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm hình sự. Từ đó, ta hiểu giết người do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội là trường hợp người có quyền, nghĩa vụ bắt người phạm tội đã sử dụng vũ lực quá mức cần thiết gây hậu quả chết người. Tội phạm này cùng xâm phạm trực tiếp đến tính mạng người phạm tội.

Người thực hiện bắt giữ nếu là chiến sĩ công an nhân dân thì theo Khoản 15 Điều 16 Luật Công an nhân dân năm 2018 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của chiến sĩ công an nhân dân: “*Sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, vũ lực, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, phương tiện khác để tấn công, truy bắt tội phạm, ngăn chặn*

*người đang thực hiện hành vi phạm tội hoặc hành vi vi phạm pháp luật khác và để phòng vệ chính đáng theo quy định của pháp luật.”*

Trường hợp người dân thực hiện việc bắt người quả tang hay bắt người đang bị truy nã theo Điều 111 và Điều 112 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, người bắt người phạm tội quả tang, bắt người đang bị truy nã có quyền tước vũ khí, hung khí của người bị bắt bằng cách sử dụng vũ lực.

Cả hai tội phạm được nêu trong Điều 126 Bộ luật Hình sự đều xâm phạm trực tiếp đến tính mạng con người. Nói cách khác, cả hai tội phạm đều có khách thể là quyền sống, quyền được Nhà nước bảo hộ về tính mạng của con người.

#### ***Khách thể của tội phạm:***

Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ tội phạm là hành vi của người vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tập thể, bảo vệ lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà đã chống trả lại một cách rõ ràng là quá mức hoặc vượt quá mức cần thiết làm cho người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nêu trên bị chết hoặc hành vi của người khi bắt giữ người phạm tội áp dụng các biện pháp vượt quá mức cần thiết làm cho người bị bắt giữ chết.

Tội phạm này xâm phạm quyền sống của người khác. Đồng thời nó cũng xâm phạm quyền phòng vệ chính đáng được quy định tại Điều 22 và quyền gây thiệt hại khi bắt giữ người phạm tội được quy định tại Điều 24 Bộ luật hình sự.

#### ***Mặt khách quan của tội phạm:***

- Mặt khách quan của tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng thể hiện ở hành vi tước đoạt tính mạng của người khác một cách trái pháp luật do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Để coi hành vi nào đó là hành vi phạm tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải xác định được người phạm tội có quyền phòng vệ chính đáng và trong quá trình thực hiện quyền phòng vệ chính đáng đã thực hiện hành vi quá mức cần thiết, giết chết người có hành vi xâm hại. Cụ thể như sau:

+ Nạn nhân đã có hành vi nguy hiểm đáng kể cho xã hội xâm phạm lợi ích của Nhà nước, tổ chức, quyền và lợi ích chính đáng của người khác.

+ Vào thời điểm xảy ra sự việc, sự xâm hại các lợi ích hợp pháp của nạn nhân đang gây thiệt hại hoặc đang đe dọa gây thiệt hại thực sự và ngay tức khắc cho những lợi ích hợp pháp cần bảo vệ.

+ Hành vi của người phạm tội xuất phát từ việc thực hiện quyền phòng vệ chính đáng gây thiệt hại cho chính người có hành vi xâm hại.

+ Trong quá trình thực hiện quyền phòng vệ chính đáng, người phạm tội đã chống trả một cách quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại, gây ra cái chết cho nạn nhân.

Hậu quả của tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phạm là gây chết người. Tội phạm hoàn thành khi hậu quả chết người xảy ra.

- Mặt khách quan của tội giết người do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội thể hiện ở là hành vi của người để bắt giữ người thực hiện hành vi phạm tội đã gây thiệt hại đến tính mạng của người đó do sử dụng vũ lực rõ ràng vượt quá mức cần thiết.

Để coi hành vi nào đó là hành vi phạm tội giết người do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội thì phải xác định được người phạm tội có quyền gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội được quy định tại Điều 24 Bộ luật hình sự 2015, nghĩa là để bắt giữ người thực hiện hành vi phạm tội, người bắt giữ không còn cách nào khác là buộc phải sử dụng vũ lực cần thiết để gây thiệt hại cho người bị bắt giữ nhưng trong quá trình thực hiện hành vi bắt giữ, người đó đã sử dụng vũ lực rõ ràng vượt quá mức cần thiết, gây thiệt hại đến tính mạng của người định bắt giữ. Đây là điểm mới bổ sung trong Điều 126 Bộ luật hình sự năm 2015 nhằm phù hợp với quy định bổ sung về trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự “Gây thiệt hại do bắt giữ người phạm tội” quy định tại Điều 24 Bộ luật hình sự 2015.

**Mặt chủ quan của tội phạm:** Tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý. Động cơ phạm tội là nhằm bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của xã hội hoặc quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc của người khác hoặc động cơ bắt giữ người phạm tội. Đây là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm. [15]

**Chủ thể của tội phạm:** Chủ thể của tội phạm này có thể là bất kỳ người nào từ đủ 16 tuổi trở lên có năng lực trách nhiệm hình sự. Chủ thể của tội phạm này có thể là công dân Việt Nam, người nước ngoài, người không quốc tịch nhưng phải trong tình thế phòng vệ chính đáng hoặc bắt giữ người phạm tội.

**Về hình phạt:** Điều 126 quy định 02 khung hình phạt:

Khung 1: quy định hình phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm, áp dụng đối với người phạm tội trong trường hợp không có tình tiết tăng nặng.

Khung 2: quy định hình phạt tù từ 02 năm đến 05 năm, áp dụng đối với trường hợp giết từ 02 người trở lên.

## **2.6 Quy định pháp luật hình sự Việt Nam về tội làm chết người trong khi thi hành công vụ.**

Điều 127. Tội làm chết người trong khi thi hành công vụ.

Làm chết người trong khi thi hành công vụ là hành vi của người trong quá trình thực hiện công vụ của mình đã làm cho người khác bị chết do dùng vũ lực ngoài những trường hợp pháp luật cho phép. Tội phạm trực tiếp xâm phạm quyền sống của con người.

**Khách thể của tội phạm:** Làm chết người trong khi thi hành công vụ là hành vi của người trong quá trình thực hiện công vụ của mình đã làm cho người khác bị chết do dùng vũ lực ngoài những trường hợp pháp luật cho phép. Tội phạm trực tiếp xâm phạm quyền sống của con người.

**Mặt khách quan của tội phạm:**

Tội phạm được thể hiện ở hành vi làm chết người do họ dùng vũ lực ngoài những trường hợp pháp luật cho phép.

Dùng vũ lực là dùng sức mạnh vật chất trực tiếp tác động vào thân thể người khác gây nên những hậu quả nhất định. Các hình thức dùng vũ lực như dùng vũ khí hoặc tay chân đâm, đá...Hậu quả chết người là dấu hiệu bắt buộc của tội phạm này. Nạn nhân là người đang có hành vi xâm phạm đến lợi ích mà người phạm tội có nhiệm vụ bảo vệ.

Việc đánh giá dùng vũ lực ngoài trường hợp pháp luật cho phép phải căn cứ vào các quy định cụ thể về sử dụng vũ khí...hoặc đánh giá trong hoàn cảnh cụ thể dùng hung khí khác nhau...

Trong thực tế, hành vi dùng vũ lực trong khi thi hành công vụ thường kèm theo việc sử dụng các loại vũ khí. Pháp luật cho phép người thi hành công vụ được sử dụng vũ lực trong một số trường hợp nhất định. Khoản 7 Điều 14 Luật Công an nhân dân quy định: cán bộ, chiến sỹ Công an nhân dân “được sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ và phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ cần thiết để chủ động tấn công tội phạm và phòng vệ chính đáng theo quy định của pháp luật”. Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 30/6/2011. Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ đã quy định cụ thể trường hợp người công vụ được nổ súng. Hành vi của người thi hành công vụ sử dụng vũ khí ngoài những trường hợp quy định, gây thiệt hại cho tính mạng của người khác sẽ phải chịu trách nhiệm về tội làm chết người trong khi thi hành công vụ.

Trong trường hợp đang thi hành công vụ, lại coi thường tính mạng của người khác, sử dụng súng vô nguyên tắc bắn chết người dù là người đang thi hành công vụ vẫn phạm tội giết người theo Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015.

***Chủ thể của tội phạm:*** Là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi theo luật quy định. Họ là những người đang thi hành công vụ nói chung, đó là người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức xã hội thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. Ngoài ra, những công dân

được huy động làm nhiệm vụ như: tuần tra, canh gác, bảo vệ theo kế hoạch của các cơ quan có thẩm quyền hoặc công dân, vì lợi ích chung của xã hội mà đã sử dụng một loại công cụ nào đó để giúp sức người thi hành công vụ ngăn chặn hoặc đuổi bắt người phạm tội, do đó xâm phạm tính mạng của người khác thì cũng được coi là người thi hành công vụ.

**Mặt chủ quan của tội phạm:** Tội phạm được thực hiện do lỗi cố ý. Động cơ phạm tội là hành động vì lợi ích chung của Nhà nước, của xã hội hoặc quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. [16]

**Về hình phạt:** Điều 127 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định 2 khung hình phạt:  
Khung 1. Phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

Khung 2. Quy định hình phạt tù từ 08 năm đến 15 năm trong trường hợp làm chết 02 người trở lên; đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai.

Hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

## **2.7 Quy định pháp luật hình sự Việt Nam về tội vô ý làm chết người.**

Điều 128. Tội vô ý làm chết người.

Hành vi vô ý làm chết người là hành vi của một người làm cho người khác chết (chấm dứt sự sống) với lỗi vô ý.

Căn cứ theo Điều 11 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định hành vi vô ý phạm tội là phạm tội một trong các trường hợp sau:

- Người phạm tội vô ý tuy thấy trước hành vi của mình có thể gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội nhưng có rằng hậu quả đó sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn ngừa được.

- Người phạm tội vô ý không thấy trước được hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội, mặc dù người đó phải thấy trước và có thể thấy trước được hậu quả đó có thể xảy ra. [17]

**Chủ thể:** Người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

**Khách thể:** Quyền sống của con người.

**Mặt chủ quan:** Người thực hiện hành vi phạm tội dưới lỗi vô ý bao gồm vô ý do cầu thả và vô ý do quá tự tin.

+ Làm chết người do vô ý vì quá tự tin là trường hợp người phạm tội tuy thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội nhưng cho rằng hậu quả đó sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn ngừa được (khoản 1 Điều 11 Bộ luật hình sự 2015)

+ Làm chết người do lỗi vô ý do cầu thả là trường hợp người phạm tội không thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội, mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước hậu quả đó. (khoản 2 Điều 11 Bộ luật hình sự 2015)

**Mặt khách quan:** Hành vi vô ý làm chết người được thể hiện dưới dạng hành động hoặc không hành động. Hậu quả chết người là dấu hiệu bắt buộc đối với tội vô ý làm chết người.

**Về hình phạt:** Căn cứ theo quy định tại Điều 128 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định về tội vô ý làm chết người, cụ thể:

Vô ý làm chết 01 người: sẽ bị xử phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Vô ý làm chết từ 02 người trở lên: bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

## **2.8 Quy định pháp luật hình sự Việt Nam về tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính.**

Điều 129. Tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính.

Vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp là trường hợp làm chết người do không thực hiện đúng những quy tắc về an toàn lao động mà người phạm

tội phải có trách nhiệm hay có nghĩa vụ do nghề nghiệp quy định. Ví dụ: một y tá tiêm thuốc Penicilin cho người bệnh nhưng không thử phản ứng dẫn đến bệnh nhân bị chết do phản ứng thuốc.

Những vi phạm quy tắc nghề nghiệp của người phạm tội là những vi phạm thuộc phạm vi một ngành, một nghề do Nhà nước quy định có tính chất nghiệp vụ để bảo đảm an toàn cho mọi người. Do làm một nghề mà nghề đó trực tiếp liên quan đến tính mạng của con người, nên phải tuân thủ những quy tắc an toàn, nếu vi phạm dễ dẫn đến chết người. Cũng là vô ý làm chết người, nhưng người vi phạm quy tắc nghề nghiệp phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn.

Vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc hành chính là trường hợp làm chết người do không thực hiện đúng những quy tắc xã hội do Luật hành chính quy định:

Những quy tắc này có thể do các cơ quan hành chính nhà nước Sở Trung ương quy định như: Chính phủ, Thủ tướng, các Bộ, nhưng cũng có thể do các cơ quan hành chính ở địa phương hoặc một đơn vị sản xuất quy định. Các quy phạm hành chính tương đối rộng, vì các quan hệ xã hội nếu không do các ngành luật khác điều chỉnh thì hầu hết do luật hành chính điều chỉnh. Ví dụ: một người chặt cây ở ven đường trái với quy định của cơ quan có thẩm quyền, làm đứt dây dẫn điện để người qua đường bị điện giật chết.

**Khách thể:** là quan hệ nhân thân mà nội dung là quyền sống của con người, đối tượng tác động của tội phạm là con người.

**Mặt khách quan:** là hành vi vô ý làm chết người. Đây là trường hợp người phạm tội có hành vi vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính với tính mạng của người khác.

**Mặt chủ quan:** lỗi vô ý (có thể là vô ý vì quá tự tin hoặc vô ý do cầu thả).

**Chủ thể:** là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi từ 16 trở lên.

Về cơ bản các dấu hiệu pháp lý của tội này tương tự như tội vô ý làm chết người. Điểm khác biệt giữa 2 tội này là quy tắc đảm bảo an toàn tính mạng của người khác mà người phạm tội vi phạm ở đây không phải là quy tắc an toàn nói chung mà là quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính.

### ***Về hình phạt:***

Cấu thành tội phạm cơ bản bị phạt tù từ 1 năm đến 5 năm.

Cấu thành tội phạm tăng nặng bị phạt tù từ 5 năm đến 12 năm đối với phạm tội làm chết nhiều người.

Ngoài ra người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

## **2.9 Quy định pháp luật hình sự Việt Nam về tội bức tử.**

Điều 130. Tội bức tử.

Có thể hiểu bức tử là hành vi đối xử tàn ác, thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc mình. Biểu hiện như: Đánh đập, bỏ đói, bắt nạn nhân làm việc nặng nhọc quá mức cho phép, xúc phạm nghiêm trọng danh dự nạn nhân... Hành vi này thường lặp đi lặp lại nhiều lần, kéo dài trong một khoảng thời gian nhất định. Đây là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc nạn nhân tự sát.

Người bị hại phải là người bị lệ thuộc vào người phạm tội:

Căn cứ khoản 10 Điều 3 Nghị quyết 06/2019/NQ-HĐTP Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại các Điều 141,142,143,144,145, 146, 147 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017 và việc xét xử vụ án xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi, quy định như sau: *“Người lệ thuộc quy định tại khoản 1 Điều 143 và đang ở trong tình trạng lệ thuộc mình quy định tại khoản 1 Điều 144 của Bộ luật Hình sự là trường hợp người bị hại bị lệ thuộc vào người phạm tội về vật chất (ví dụ: người*

*bị hại được người phạm tội nuôi dưỡng, chu cấp chi phí sinh hoạt hàng ngày...) hoặc lệ thuộc về tinh thần, công việc, giáo dục, tín ngưỡng (ví dụ: người bị hại là người lao động làm thuê cho người phạm tội; người bị hại là học sinh trong lớp do người phạm tội là giáo viên chủ nhiệm hoặc giáo viên bộ môn...)."*

Như vậy, căn cứ quy định trên thì người lệ thuộc được hiểu là người bị lệ thuộc về vật chất hoặc lệ thuộc về tinh thần, công việc, giáo dục, tín ngưỡng; là người dựa vào người khác trong cuộc sống về các mặt vật chất hay tinh thần như: lệ thuộc về kinh tế, bị ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng,...

Mối quan hệ lệ thuộc giữa người bị hại và người phạm tội là yếu tố bắt buộc để xác định hành vi của một người có phạm tội bức tử hay không.

***Khách thể:*** Đối tượng tác động của tội phạm này là sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người. Đặc biệt tội phạm này còn xâm phạm tới tính mạng của con người.

***Mặt khách quan:***

Dấu hiệu về hành vi: Thường xuyên ức hiếp, đối xử bất công, không bình đẳng với người khác. Có hành vi đánh đập, bỏ đói, xúc phạm đến danh sự nhân phẩm khiến cho người khác từ bỏ mạng sống của mình.

Dấu hiệu về hậu quả: Người bị tác động tự sát do các hành vi của người phạm tội

Cần có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi khách quan và hậu quả tự sát.

***Mặt chủ quan:***

Dấu hiệu lỗi: Lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý của người phạm tội.

Người phạm tội thấy hành vi của mình có thể dẫn đến việc nạn nhân tự sát nhưng có ý thức bỏ mặc, chấp nhận hậu quả đó xảy ra. Hoặc biết hành vi của mình có thể dẫn đến việc tự sát của nạn nhân nhưng tin tưởng rằng hậu quả sẽ không xảy ra nên tiếp tục thực hiện hành vi.

**Chủ thể:** Là người có quan hệ lệ thuộc nhất định với nạn nhân. Có thể là lệ thuộc về kinh tế, hôn nhân gia đình, tín ngưỡng,...

**Về hình phạt:** đối với tội bức tử được quy định tại Bộ luật Hình sự như sau:

Khung 1: Người phạm tội có thể bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm nếu có các hành vi như: Đối xử tàn ác, thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc mình làm người đó tự sát.

Khung 2: Người phạm tội có thể bị xử phạt từ 05 năm đến 12 năm tù khi phạm tội thuộc các trường hợp sau:

- + Phạm tội đối với 02 người trở lên;
- + Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai.

## **2.10 Quy định pháp luật hình sự Việt Nam về tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát.**

Điều 131. Tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát.

Xúi giục hoặc giúp người khác tự sát bao gồm các hành vi như kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác tự sát; tạo điều kiện vật chất hoặc tinh thần cho người khác tự sát. Tội phạm làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gián tiếp xâm phạm quyền sống của con người.

**Khách thể** của tội phạm là quyền được sống, quyền được Nhà nước bảo hộ về tính mạng và trật tự an toàn của xã hội.

**Mặt khách quan:**

Hành vi thuộc mặt khách quan của tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát bao gồm các hành vi kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác tự tước đoạt tính mạng của họ hoặc tạo điều kiện vật chất hoặc tinh thần cho người khác tự tước đoạt tính mạng của họ.

– Kích động người khác tự sát.

Kích động người khác tự sát là có những lời lẽ nhằm thúc đẩy bằng cách tác động tâm lý làm cho người bị kích động tự ái tới mức cao độ nên đã tự sát. Nếu không có những lời lẽ kích động đó thì nạn nhân dù có chán đời, có những uẩn khúc trong cuộc sống cũng chưa tới mức tự sát.

– Dụ dỗ người khác tự sát.

Dụ dỗ người khác tự sát là người phạm tội đã có những lời lẽ khuyên bảo một cách khéo léo để làm cho người khác tự sát theo ý muốn của mình.

– Thúc đẩy người khác tự sát

Thúc đẩy người khác tự sát là người phạm tội dùng lời lẽ hoặc hành động đẩy nhanh quá trình nạn nhân mong muốn tự sát bằng cách dụ dỗ hoặc kích động nạn nhân.

– Tạo điều kiện vật chất hoặc tinh thần cho người khác tự tước đoạt tính mạng của họ

Hành vi giúp người khác tự sát là hành vi tạo điều kiện tinh thần hoặc vật chất để người khác tự sát, như: tìm kiếm, cung cấp phương tiện để nạn nhân tự sát hoặc hứa hẹn trước với nạn nhân giữ kín việc tự sát của họ.

Tội phạm được coi hoàn thành từ thời điểm nạn nhân có hành vi tự sát, còn việc nạn nhân tự sát nhưng không chết do được phát hiện ngăn chặn, cấp cứu kịp thời chỉ là tình tiết để xem xét khi quyết định hình phạt.

Cần phải xác định mối quan hệ nhân quả giữa hành vi xúi giục hoặc giúp người khác tự sát với hậu quả xảy ra là nạn nhân tự sát. Nếu người nào vừa có hành vi xúi giục, vừa có hành vi giúp người khác tự sát thì phạm tội xúi giục và giúp người khác tự sát. Nếu người phạm tội chỉ thực hiện hành vi xúi giục người khác tự sát hoặc chỉ giúp người khác tự sát thì phạm tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát.

***Mặt chủ quan:***

Tội phạm được thực hiện do lỗi cố ý, có thể là cố ý trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp. Người thực hiện hành vi xúi giục hoặc giúp người khác tự sát hoàn toàn có đủ nhận thức để nhìn thấy trước hậu quả nạn nhân sẽ tự tử, nhưng người phạm tội hoàn toàn mong muốn hậu quả nạn nhân tử vong hoặc dù không mong muốn nhưng vẫn cố ý thức bỏ mặc cho hậu quả đó xảy ra.

Hành vi xúi giục phải dẫn đến việc nạn nhân tự nguyện tự sát (mối quan hệ nhân quả). Nếu hành vi xúi giục kèm theo hành vi dồn ép người khác buộc họ không còn con đường nào khác phải tự sát thì không phạm tội này mà phạm tội bức tử theo Điều 130 Bộ luật hình sự. [18]

**Chủ thể:** Tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát được thực hiện bởi bất kỳ người nào từ đủ 16 tuổi trở lên có năng lực trách nhiệm hình sự.

#### ***Về hình phạt:***

Khung 1. Quy định hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm áp dụng đối với trường hợp phạm tội không có tình tiết định khung tăng nặng.

Khung 2. Quy định hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm áp dụng đối với trường hợp làm từ 02 người trở lên tự sát.

### **2.11 Quy định pháp luật hình sự Việt Nam về tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng.**

Điều 132. Tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng.

Theo tinh thần tại Nghị quyết 04-HĐTPTANDTC/NQ hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự thì:

Nguy hiểm đến tính mạng (sắp chết) hoặc có thể chết (như: sắp chết đuối, bị thương tích nặng do tai nạn giao thông gây ra...), tuy có điều kiện mà không giúp (tức là có khả năng cứu giúp và sự cứu giúp không gây nguy hiểm cho bản thân hoặc cho người khác mà họ cố ý bỏ mặc, dẫn đến chết người).

**Mặt chủ quan** của tội này là do lỗi cố ý, thường là cố ý gián tiếp. Người phạm tội do cố ý gián tiếp đã có thái độ để mặc cho hậu quả xảy ra, mặc dù họ đã nhận thức được hậu quả tác hại chết người có thể xảy ra.

**Mặt khách quan** của tội phạm này thể hiện bằng hành vi không hành động, không cứu giúp người khác khi người đó đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, nếu không được cứu giúp kịp thời sẽ bị chết.

Người thực hiện hành vi phạm tội phải là người có điều kiện cứu giúp. Tội phạm được thực hiện bằng phương pháp không hành động, lẽ ra người có điều kiện cứu giúp phải thực hiện nghĩa vụ cứu giúp nhưng không thực hiện nghĩa vụ cứu giúp của mình.

**Khách thể** của tội phạm là xâm phạm quyền sống con người.

**Chủ thể** của tội phạm này là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi từ 16 tuổi trở lên.

#### ***Về hình phạt:***

Khung 1: Người nào thấy người khác đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, tuy có điều kiện mà không cứu giúp dẫn đến hậu quả người đó chết, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

Khung 2: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

- Người không cứu giúp là người đã vô ý gây ra tình trạng nguy hiểm;
- Người không cứu giúp là người mà theo pháp luật hay nghề nghiệp có nghĩa vụ phải cứu giúp.

Khung 3: Phạm tội dẫn đến hậu quả 02 người trở lên chết, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

Hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

## **2.12 Quy định pháp luật hình sự Việt Nam về tội đe dọa giết người.**

Điều 133. Tội đe dọa giết người.

Tội đe dọa giết người được quy định tại Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 2015. Cụ thể là người nào đe dọa giết người, nếu có căn cứ làm cho người bị đe dọa lo sợ rằng việc đe dọa này sẽ được thực hiện thì bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù.

**Khách thể:** hành vi phạm tội xâm phạm vào quyền được sống của cá nhân được pháp luật bảo hộ.

**Mặt khách quan:** Là những hành vi của một người bằng lời nói, hành động hoặc những thủ đoạn nào đó làm cho người khác lo sợ rằng mình sẽ bị giết. Các thủ đoạn có thể là bằng lời nói trực tiếp hay qua điện thoại, gửi thư đe dọa. Việc đe dọa này phải có thật, gây ra tâm lý bất an, lo sợ cho đối tượng bị đe dọa, khiến cho họ có căn cứ tin rằng việc đe dọa này sẽ được thực hiện.

Trạng thái bất an, lo sợ của người bị đe dọa có thể được đánh giá dựa trên các tình tiết:

- + Nội dung và hình thức đe dọa.
- + Thời gian, địa điểm, tần suất và hoàn cảnh cụ thể khi xảy ra hành vi đe dọa.
- + Thái độ và xử sự của người bị đe dọa sau khi họ bị đe dọa.

**Mặt chủ quan:** người phạm tội phải có lỗi cố ý. Mục đích của người phạm tội là gây lo sợ cho nạn nhân chứ không có ý định giết người.

**Chủ thể:** Chủ thể của hành vi phạm tội phải là bất kỳ người nào có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ 16 tuổi trở lên. Bên cạnh đó còn cần căn cứ vào các đặc điểm nhân thân của người đe dọa.

Việc áp dụng tội đe dọa giết người tham khảo tại Chương 2 Nghị quyết 04-HĐPTANDTC/NQ ngày 29/11/1986 quy định như sau:

- Tội đe dọa giết người phải có hai dấu hiệu bắt buộc có hành vi đe dọa giết người; có căn cứ làm cho người bị đe dọa lo sợ rằng việc đe dọa này sẽ được thực hiện.

- Phải xác định hành vi đe dọa giết người là có thật (như: nói trực tiếp công khai là sẽ giết, giờ phương tiện như súng, dao đe dọa) và phải xem xét “căn cứ làm cho người bị đe dọa lo sợ...”, một cách khách quan, toàn diện như:

- + Thời gian;
- + Hoàn cảnh;
- + Địa điểm diễn biến;
- + Nguyên nhân sâu xa (nếu có) và trực tiếp của sự việc;
- + Mối tương quan giữa bên đe dọa và bên bị đe dọa (về thể lực, tuổi đời, trình độ v.v...).

Nếu thông thường ai cũng phải lo lắng là sự đe dọa (về thể lực, tuổi đời, trình độ v.v...). Nếu thông thường ai cũng phải lo lắng là sự đe dọa sẽ được thực hiện, thì đó là trường hợp lo lắng có căn cứ.

Nếu cùng với hành vi đe dọa, còn có hành vi chuẩn bị giết người bị đe dọa (như mài dao, lau súng đạn...) thì xử lý các hành vi đó về tội giết người (ở giai đoạn chuẩn bị). Nếu sau khi đe dọa đã giết người bị đe dọa, thì xử lý về tội giết người.

Nếu đe dọa giết người để chống người thi hành công vụ, thì xử lý về tội chống người thi hành công vụ mà không áp dụng tội đe dọa giết người.

### ***Về hình phạt:***

Người nào đe dọa giết người, nếu có căn cứ làm cho người bị đe dọa lo sợ rằng việc đe dọa này sẽ được thực hiện, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

- + Đối với 02 người trở lên;
- + Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- + Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân;
- + Đối với người dưới 16 tuổi;
- + Để che giấu hoặc trốn tránh việc bị xử lý về một tội phạm khác.

### **2.13 Những hạn chế bất cập trong các quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam hiện hành về nhóm tội xâm phạm tính mạng con người.**

Tuy đã đạt được những thành quả nhất định nhưng không thể phủ nhận một thực tế là các quy định thuộc nhóm tội xâm phạm tính mạng con người trong Bộ luật hình sự hiện hành vẫn còn những hạn chế, vướng mắc liên quan đến nhóm tội này tập trung ở các vấn đề sau:

Thứ nhất, trong nhóm các tội xâm phạm tính mạng con người của Bộ luật hình sự hiện hành có nhiều quy định khoảng cách quá rộng giữa mức tối thiểu và mức tối đa trong mỗi khung hình phạt. Ví dụ khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự 2015 quy định khung hình phạt áp dụng đối với cấu thành tăng nặng của tội giết người là từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình; khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự 2015 quy định về tội giết người cơ bản là từ 07 đến 15 năm; khoản 2 Điều 128 Bộ luật hình sự 2015 quy định về tội vô ý làm chết người là từ 03 đến 10 năm; khoản 2 Điều 130 Bộ luật hình sự 2015 quy định về tội bức tử là từ 05 đến 12 năm. Việc quy định khoảng cách giữa mức tối thiểu và mức tối đa của khung hình phạt rộng như vậy sẽ gây không ít khó khăn cho việc quyết định hình phạt chính xác đối với người phạm tội, tạo ra những cơ sở về mặt luật định cho sự tùy tiện, không thống nhất cho việc áp dụng hình phạt.

Thứ hai, phạm tội có tính chất côn đồ là tình tiết tăng nặng của tội giết người ở điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự 2015. Hiện nay tình tiết phạm tội có tính chất côn đồ chưa có một văn bản nào hướng dẫn cụ thể, gây khó khăn cho việc áp dụng. Xung quanh vấn đề này, nhiều ý kiến cho rằng, luật vẫn chưa rõ ràng cần phải

có hướng dẫn cụ thể hơn nữa. Hiện luật vẫn quy định chung chung chưa xác định rõ thể nào là phạm tội với tính chất côn đồ, để các cơ quan tố tụng căn cứ vào đó để áp dụng. Do vậy trên thực tế không ít trường hợp các cấp tòa, giữa tòa và viện kiểm soát có quan điểm trái ngược nhau khiến nhiều vụ án bị hủy, bị sửa. Một số thẩm phán, kiểm sát viên cho rằng Cơ quan tiến hành tố tụng thường hiểu phạm tội có tính chất côn đồ là trường hợp phạm tội vì những nguyên cớ nhỏ nhặt hoặc vô cớ, thể hiện tính coi thường pháp luật, xem thường tính mạng người khác. Nhưng cũng có ý kiến cho rằng bị cáo có nhân thân xấu, có nhiều tiền án, tiền sự khi phạm tội thể hiện tính hung hăng, càn quấy thì phải coi đó là tính chất côn đồ.

Thứ ba, quy định tại Điều 123 Bộ luật hình sự 2015 chưa mô tả hành vi giết người là gì. Mặc dù, khái niệm giết người là *“hành vi tước bỏ quyền sống của người khác một cách trái pháp luật”* đã được thừa nhận trong khoa học luật hình sự, hoạt động xây dựng pháp luật và thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử. Tuy nhiên, việc mô tả hành vi giết người trong Luật hình sự không những có ý nghĩa rất lớn về lý luận, pháp lý mà còn là cơ sở pháp lý cho việc định tội danh, quyết định hình phạt.

Đánh giá về thực trạng hoạt động định tội danh giết người cho thấy, hiện nay, cơ sở pháp lý cho việc định tội danh nói chung và tội giết người nói riêng đã được quan tâm xây dựng và hoàn thiện đó là Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13. Ngoài ra, để bảo đảm việc định tội danh giết người được khách quan và thống nhất, Tòa án nhân dân tối cao đã thông qua và công bố 63 án lệ, trong đó có 14 án lệ về hình sự để các Tòa án nghiên cứu, áp dụng thống nhất trong xét xử đối với các vụ việc có tình huống pháp lý tương tự. Việc công bố các án lệ liên quan đến hình sự của Tòa án nhân dân tối cao không chỉ có ý nghĩa trong hoạt động xét xử, đây còn là một nguồn tham khảo có giá trị đối với hoạt động định tội danh trong điều tra hình sự, nhằm bảo đảm

thống nhất đường lối xử lý giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đối với những trường hợp quy định của pháp luật hình sự còn có cách hiểu khác nhau.

Những cơ sở pháp lý nêu trên đã tạo điều kiện pháp lý thuận lợi để các chủ thể định tội danh giải quyết tốt các khó khăn, vướng mắc đang tồn tại trong quá trình định tội danh, từ đó bảo đảm được các yêu cầu đặt ra, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Tuy nhiên, bên cạnh đó, quá trình định tội danh giết người vẫn còn tồn tại một số khó khăn, vướng mắc. Cụ thể:

- Còn trường hợp một số chủ thể có thẩm quyền trong việc định tội danh áp dụng cứng nhắc án lệ của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao khi định tội danh trong các trường hợp dùng hung khí nguy hiểm tấn công vào các vùng trọng yếu trên cơ thể như dùng cây đánh vào đầu, dùng dao chém vào vùng trọng yếu là tội giết người. Tuy nhiên, thực tiễn điều tra đã chứng minh, người phạm tội không mong muốn tước đoạt tính mạng của người bị hại nhưng do quá trình ẩu đả hai bên cùng tấn công nhau, tư thế, vị trí liên tục thay đổi do giằng co thì việc dùng hung khí nguy hiểm tấn công vào vùng trọng yếu (không cố ý) chỉ gây thương tích cho bị hại, không có ý thức tước đoạt tính mạng người khác, bị hại vẫn kịp thời bỏ chạy và được cấp cứu kịp thời, người phạm tội không truy đuổi thì trường hợp này phải xác định là phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.
- Không áp dụng Án lệ số 47/2021 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 25/11/2021 để định tội danh về tội giết người, mặc dù xác định người phạm tội dùng hung khí đâm nhiều nhát vào đầu, cổ của bị hại gây ra nhiều dấu vết thương tích, trường hợp này mặc dù người phạm tội có khẳng định không có ý thức tước đoạt mạng sống của bị hại thì vẫn định tội giết người. Điển hình như Thông báo rút kinh nghiệm số 05/TB-VC1-HS ngày 13/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao

tại Hà Nội đối với vụ án Lê Bá Đăng phạm tội cố ý gây thương tích và Thông báo rút kinh nghiệm số 06/TB-VC1-HS ngày 25/03/2019 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đối với vụ án Tạ Duy Hiền phạm tội cố ý gây thương tích có nêu về trường hợp phạm tội giết người mà không căn cứ vào hậu quả chết người. Nói cách khác, chỉ cần người phạm tội sử dụng hung khí nguy hiểm, tấn công vào vùng trọng yếu có khả năng dẫn đến chết người là có dấu hiệu của tội giết người (thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt).

- Định tội danh về hành vi giết người trong trường hợp có hành vi thái quá của người thực hành còn có những quan điểm khác nhau, cụ thể: Trong vụ án giết người, chỉ cần người chủ mưu có hành vi khởi xướng, lên kế hoạch, cầm đầu việc đi gây thương tích nhưng trong nhóm có người thực hiện hành vi thái quá là dùng dao đâm chết người thì trường hợp này, người chủ mưu là đồng phạm với tội giết người; thực tế, có địa phương chỉ khởi tố người chủ mưu trong trường hợp này phạm tội gây rối trật tự công cộng. Nội dung này đã được Viện kiểm sát nhân dân tối cao gửi Thông báo rút kinh nghiệm số 256/TV-VKSNDTC ngày 29/11/2022. [19]

Công văn số 100/TANDTC-PC ngày 13/6/2023 của TAND tối cao về việc áp dụng Án lệ số 47/2021/AL có nêu: *“Để áp dụng án lệ này, trước tiên cần xác định vùng trọng yếu trên cơ thể của con người là những vùng có các cơ quan quan trọng quyết định đến sự sống của con người (ví dụ: tim, gan, thận, não, động mạch chủ...), nếu bị xâm hại mà người bị xâm hại không được cấp cứu kịp thời sẽ chết. Do đó, ngoài việc chứng minh bị cáo đã có hành vi dùng hung khí nguy hiểm tấn công vào vùng trọng yếu trên cơ thể của bị hại thì cần phải xem xét, đánh giá toàn diện các tài liệu, chứng cứ của vụ án, các tình tiết thể hiện tính chất, mức độ của hành vi, cơ chế hình thành vết thương, sự quyết liệt trong thực hiện hành vi, vị trí cơ thể bị hại mà bị cáo có ý định tấn công để chứng minh ý thức chủ quan của bị cáo là cố ý thực hiện hành vi gây nguy hiểm cho tính mạng của bị hại; hành vi của bị cáo thể hiện sự côn đồ, hung hãn, quyết liệt, coi thường tính mạng người khác; bị hại không chết*

*là ngoài ý thức, mong muốn chủ quan của bị cáo*”. Do đó, không phải trường hợp nào bị cáo có hành vi dùng hung khí nguy hiểm tấn công vào vùng trọng yếu trên cơ thể của bị hại cũng áp dụng án lệ 47/2021/AL, mà chỉ xem xét áp dụng án lệ trong trường hợp hành vi của bị cáo có đầy đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Giết người” để xác định bị cáo phạm tội “Giết người” thuộc phạm tội chưa đạt.

***Một số bất cập, vướng mắc về Điều 124. Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ (Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017)***

Tội giết con mới đẻ được quy định tại Điều 124 Bộ luật hình sự 2015 là hành vi của người mẹ do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà giết hoặc vứt bỏ con do mình đẻ ra trong 07 ngày tuổi. Với quy định tại Điều luật này, thì người thực hành tội phạm chỉ có thể là người mẹ của nạn nhân. Do vậy, nếu người bố cùng với người mẹ thực hiện hành vi giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ thì chỉ bị coi là người đồng phạm với vai trò giúp sức người mẹ về tội phạm này. Còn trường hợp, người bố thực hiện hành vi giết con mới đẻ sẽ bị xử phạt về Tội giết người với tình tiết là “Giết người dưới 16 tuổi (điểm b khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự 2015). Khi ấy mức hình phạt đối với người bố sẽ nặng hơn rất nhiều so với người mẹ hoặc cùng với người mẹ vứt bỏ con mới đẻ. Điều này không đúng với nguyên tắc xử lý quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Bộ luật hình sự 2015 “*Mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt giới tính...*”.

Mặt khác, cũng với quy định tại khoản 2 Điều 124 Bộ luật hình sự 2015, thì người bố thực hiện hành vi (độc lập) vứt bỏ con mới đẻ sẽ không bị xử lý hình sự vì chưa có quy định trong Bộ luật hình sự.

***Một số bất cập, vướng mắc về Điều 125. Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017)***

Trải qua quá trình hình thành và hoàn thiện, các quy định pháp luật về tội "Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh" ngày càng được quy định một cách đầy đủ và thống nhất hơn. Tuy nhiên, trong quá trình thực tiễn áp dụng vẫn còn một số bất cập, vướng mắc chưa giải quyết triệt để như sau:

Thứ nhất, chưa có tính thống nhất trong xác định “trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”. Đây là vướng mắc cơ bản nhất chưa giải quyết được khi định tội danh tội "Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh". Chưa có một quy định chi tiết, cụ thể để xác định trạng thái tinh thần bị kích động của một người như thế nào. Chính vì lý do trên, nên xảy ra rất nhiều trường hợp có nhiều quan điểm khác nhau về tội danh của tội phạm, gây nên sự không thống nhất về định tội danh.

Thứ hai, các quy định hiện nay chưa đề cập đến căn cứ để xác định mức độ nghiêm trọng của hành vi trái pháp luật của nạn nhân đối với người phạm tội hoặc người thân thích phạm tội. Có nhiều quan điểm về hành vi trái pháp luật nêu trên, hành vi này phải là hành vi trái pháp luật hình sự, bởi vì chỉ có hành vi trái pháp luật hình sự mới có thể gây ra tinh thần trạng thái bị kích động mạnh của người phạm tội. Tuy nhiên, có quan điểm khác cho rằng, hành vi trái pháp luật không hẳn là trái pháp luật hình sự, ngoài ra hành vi trái pháp luật có thể trái pháp luật dân sự, hành chính, hôn nhân gia đình... Vì những lý do trên nên chưa có sự thống nhất trong quan điểm xác định hành vi trái pháp luật khiến người phạm tội rơi vào trạng thái bị kích động mạnh, gây khó khăn cho quá trình tố tụng. [20]

***Một số bất cập, vướng mắc về Điều 130. Tội bức tử (Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017)***

Thứ nhất, khoản 1 Điều 130 Bộ luật Hình sự quy định “Người nào đối xử tàn ác, thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc mình làm người đó tự sát...”.

Theo quy định trên, hành vi đối xử tàn ác dù mới xảy ra một lần nhưng nếu dẫn đến người lệ thuộc tự sát thì sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự; còn hành vi ức hiếp, ngược đãi, làm nhục phải diễn ra nhiều lần, thường xuyên làm cho nạn nhân bị dày vò về tư tưởng, tình cảm, thấy bế tắc mà tự sát, nếu hành vi đó không diễn ra thường xuyên thì không đủ cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự. Điều luật quy định

cụm từ “thường xuyên” trong một số trường hợp cụ thể sẽ gây khó khăn, vướng mắc khi áp dụng, qua đó dẫn đến tình trạng bỏ lọt tội phạm.

Trên thực tế, có những hành vi ức hiếp, ngược đãi, làm nhục người lệ thuộc không cần diễn ra thường xuyên mà chỉ diễn ra một hoặc hai lần nhưng đã gây ra những tổn thương, bức xúc đè nén nhất định khiến người lệ thuộc tự sát. Ví dụ: Chị Nguyễn Thị D. và anh Nguyễn Văn A. là vợ chồng, do bị thất nghiệp và phải ở nhà trông con nên chị D. bị phụ thuộc chồng (anh A.) trong vấn đề tiền bạc. Trong một lần bức tức, cho rằng vợ chỉ ở nhà ăn bám mình nên anh A. đã có những lời nói xúc phạm nghiêm trọng danh dự chị D. trước sự chứng kiến của hàng xóm xung quanh. Áp lực trong cuộc sống nuôi dạy con và bị chồng miệt thị đến nhân phẩm, danh dự nên chị A. đã tìm đến cái chết.

Thứ hai, về tình tiết định khung tăng nặng hình phạt tại khoản 2, Điều 130, Bộ luật Hình sự có quy định trường hợp phạm tội “Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết có thai”. Qua nghiên cứu, tác giả thấy rằng nên quy định thêm các đối tượng khác cũng thuộc trường hợp này như người già yếu, người mắc bệnh hiểm nghèo, người ốm đau, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng sẽ bảo đảm đầy đủ hơn, đáp ứng yêu cầu đấu tranh, răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Bên cạnh đó, theo quy định của điều luật, đối với trường hợp nếu bị hại là người dưới 16 tuổi khi áp dụng sẽ không phụ thuộc vào ý thức chủ quan của người phạm tội có nhận biết được hay không nhận biết được người bị xâm hại là người dưới 16 tuổi. Đối với bị hại là phụ nữ có thai, điều kiện đặt ra đó là chỉ khi người phạm tội biết chính xác người đó có thai mới thuộc trường hợp quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 130 Bộ luật Hình sự, nếu người phạm tội không biết người phụ nữ đó có thai thì hành vi đối xử tàn ác, thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc là phụ nữ có thai làm người đó tự sát thì không có cơ sở để áp dụng.

Phụ nữ có thai là một trong những đối tượng được pháp luật bảo vệ đặc biệt, xuất phát từ nguyên tắc bảo vệ quyền của người phụ nữ và trẻ em theo quy định của

pháp luật, tác giả cho rằng, điểm b khoản 2 Điều 130 Bộ luật Hình sự chỉ nên quy định “Phạm tội đối với phụ nữ có thai” và có thể bổ sung thêm trường hợp phạm tội đối với “Phụ nữ nuôi con dưới 06 tháng tuổi”. [21]

***Một số bất cập, vướng mắc về Điều 132. Tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng. (Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017)***

Thứ nhất, pháp luật chưa quy định rõ thế nào là một người đang ở trong trạng thái đang nguy hiểm tới tính mạng, khi áp dụng pháp luật thì thường tình tiết này được hiểu một cách chung chung, có thể bị chấn thương nặng, bị ngộ độc, bị ngã xuống hồ nước, bị bệnh nặng,... dẫn đến việc áp dụng pháp luật không được thống nhất.

Thứ hai, về quy định chủ thể của tội phạm là người có điều kiện cứu giúp nhưng không cứu và hậu quả bắt buộc của tội phạm này là chết người. Vấn đề này chưa có quy định để xác định một chủ thể có đủ điều kiện cứu giúp người khác, nếu giả sử họ có chức trách, nhiệm vụ được pháp luật quy định thì việc xác định tội phạm khá dễ nhưng một người bình thường khi sự việc xảy ra người đó dùng nhiều thủ đoạn để che giấu cho hành vi không cứu giúp của mình thì cơ quan tiến hành tố tụng rất khó để xử lý trách nhiệm hình sự của người này. Hậu quả bắt buộc của tội phạm là chết người, nếu quy định như vậy, vấn đề phát sinh là thể trạng, mức độ chịu đựng của mỗi người là khác nhau, giả sử cùng một mức độ chấn thương những người bị thương rất nặng do họ sức khỏe, thể trạng tốt nên không chết, người khác thể trạng yếu hơn thì lại chết. Như vậy, nếu quy định việc chết người là hậu quả bắt buộc thì khi xử lý loại tội phạm này là không công bằng, hành vi bỏ mặc người khác đang ở trong tình trạng nguy hiểm tới tính mạng là nguy hiểm cho xã hội cho dù người bị bỏ mặc không chết thì theo tác giả vẫn cần xử lý hình sự ở mức độ tương đương.

Thứ ba, trường hợp nạn nhân sử dụng chất kích thích, ma túy làm cho bản thân mình lâm vào tình trạng nguy hiểm tới tính mạng thì người không cứu giúp rất khó để biết tình trạng của nạn nhân nhưng trong trường hợp này trên thực tiễn người

không cứu giúp vẫn bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 132 Bộ luật hình sự năm 2015. Nội dung vụ án như sau: Khoảng 21 giờ ngày 29/8/2020, Đặng Đình Ch. (sinh năm 1987), trú tại: thôn 2, xã Quảng B, huyện Chương M, TP. HN điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vision BKS 29X1-714.13 đến nhà Nguyễn Viết Kh. (sinh năm 1975) là bạn cùng thôn và rủ Kh. đi sử dụng ma túy, Kh. đồng ý. Ch. chở Kh. sang địa phận huyện Thanh O, TP. HN để mua ma túy. Trên đường đi, Kh. thấy Ch. sử dụng điện thoại Nokia gọi điện cho ai đó nói: “Anh T. à? Anh để cho em 200.000 đồng tiền hàng nhé”. Khi đến gần ngõ rẽ vào nhà T. ở xã Bình M, huyện Thanh O. thì Kh. xuống xe, còn Ch. đi một mình vào nhà T. để mua ma túy. Sau khi mua được ma túy, Ch. đi xe ra phía ngoài đón Kh., cả hai đi ra ngoài đường 21B theo hướng Hà Đ. Đi được khoảng 500 mét thì rẽ vào một hiệu thuốc bên phải đường, Ch. đứng ở ngoài còn Kh đi vào hiệu thuốc mua 02 bơm kim tiêm và 01 lọ nước cất hết 5.000 đồng. Sau đó, Ch. và Kh. tiếp tục đi được khoảng 200m thì rẽ trái vào nghĩa trang thôn Qu , xã Bình M. Tại đây, hai đối tượng lấy dụng cụ và ma túy loại Heroine ra để sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy xong, Kh. vẫn tỉnh táo, Kh. nghe Ch. nói: “Em mệt quá, anh có chạy được xe không thì chở em về”, Kh. nghĩ Ch. đang “phê” ma túy, ngồi nghỉ một lúc sẽ tỉnh nên nói với Ch.: “Mệt thì cứ ngồi đây nghỉ, tý rồi về”. Đồng thời, Kh. ngồi bên cạnh Ch., dùng tay vỗ vào lưng Ch. cho Ch. mau tỉnh. Được một lúc thì Kh. lên xe mô tô ngồi đợi, thì thoảng Kh. xuống xe gọi, lay Ch. nhưng không thấy Ch. phản ứng. Đến khoảng 00 giờ ngày 30/8/2020, Kh. thấy Ch. vẫn thờ nhưng chưa tỉnh táo, không thể lên xe để đi về. Lúc này, Kh. nghĩ Ch. đang bị mệt quá, do lúc đi cùng Ch., Kh. ngửi thấy trên người Ch. có mùi rượu, lại sử dụng ma túy nên bị yếu, không tỉnh được. Nghĩ vậy, Kh. liền bỏ Ch. lại ở nghĩa trang rồi điều khiển xe mô tô của Ch. về nhà và định sáng sớm sẽ quay lại đón Ch. sau. Đến khoảng 05 giờ ngày 30/8/2020, Kh. đi xe mô tô quay lại nghĩa trang đón Ch. Khi đi đến nơi, Kh. vỗ vai Ch. nói: “Sáng rồi, về thôi em ơi” nhưng không thấy Ch. phản ứng gì, Kh. vẫn thấy Ch. thờ đều. Lúc này, Kh. thấy có người đi tập thể dục gần đó, sợ bị người khác phát hiện việc sử dụng ma túy nên Kh. liền điều khiển xe mô tô của Ch. đi về một mình và bỏ Ch. nằm ở vệ cỏ trong nghĩa trang. Về nhà, Kh. nằm ngủ đến trưa dậy thì nghe tin Ch. đã chết. Sợ gia đình Ch. phát hiện mình có liên quan đến

cái chết của Ch. nên Kh. cất xe mô tô của Ch. ở nhà mà không trả lại cho gia đình Ch. Đến ngày 31/8/2020, do không có tiền mua ma túy nên Kh. rủ bạn là Đặng Đình Đ. (sinh năm 1982) ở thôn 3, xã Quảng B., huyện Chương M, TP. HN. mang xe mô tô của Ch đi đến một cửa hàng sửa xe ở khu vực xã Thanh C, huyện Thanh O để bán nhưng không bán được do không có giấy tờ xe. Vì vậy, Kh mang xe về nhà rồi tháo biển số xe, cất trong buồng để tránh bị phát hiện. Toà án nhân dân huyện Thanh O, TP. HN tuyên phạt tuyên bố bị cáo Nguyễn Việt Kh. phạm tội: “Không cứu giúp người đang trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Toà án nhận định, ngày 30/8/2020, Nguyễn Việt Kh. đã có hành vi bỏ mặc, không cứu giúp anh Đặng Đình Ch. đang trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng sau khi biết Ch. vừa sử dụng ma túy xong, nằm bất tỉnh trong khu vực nghĩa trang thôn Q, xã Bình M., Thanh O, TP. HN; dẫn đến hậu quả anh Ch. chết. Ngoài ra, sau khi được Ch. nhờ điều khiển xe mô tô chở về nhà, Kh. đã lấy xe mô tô BKS 29X1-764.31 của Ch. để đi về nhà. Sau khi biết anh Ch. đã chết, Kh. đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên của anh Ch. trị giá 25.000.000 đồng và mang đi tiêu thụ nhưng không tiêu thụ được vì không có giấy tờ xe.

Hành vi Nguyễn Việt Kh. đã phạm vào tội “Không cứu giúp người đang trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng” theo quy định tại khoản 1 Điều 132 Bộ luật hình sự năm 2015 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Theo tác giả, cả hai đối tượng cùng sử dụng ma túy, Kh. không biết (rất khó để biết) Ch. đang ở tình trạng nguy hiểm tới tính mạng mà cho rằng chỉ đang “phê” ma túy thông thường, Kh. cũng không có ý định bỏ mặc cho Ch. chết vì sáng hôm sau Kh. ra gọi Ch. về, theo tác giả trường hợp này hành vi của Kh. không thoả mãn yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Không cứu giúp người đang trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng” theo Điều 132 Bộ luật hình sự năm 2015. [22]

## **Tiểu kết Chương 2**

Qua nội dung nghiên cứu ở Chương 2, sinh viên đã nêu được khái niệm và cấu thành tội phạm cùng hình phạt cho nhóm tội xâm phạm tính mạng con người. Chỉ ra các tình tiết định khung tăng nặng và cấu thành cơ bản tội giết người Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tìm hiểu pháp luật hình sự Việt Nam đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội xâm phạm tính mạng con người. Qua quá trình nghiên cứu ở chương này, cuối cùng sinh viên nêu ra những hạn chế, bất cập, vướng mắc về một số Điều trong nhóm các tội xâm phạm tính mạng con người.

### **CHƯƠNG 3. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC THI CÁC TỘI XÂM PHẠM TÍNH MẠNG CON NGƯỜI.**

#### **3.1 Đề xuất các giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam về nhóm tội phạm xâm phạm tính mạng con người.**

Thứ nhất, thực hiện tội phạm một cách man rợ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự 2015 về tình tiết định khung tăng nặng của tội giết người đang gây nên sự băn khoăn về cách xác định tội phạm. Nếu chúng ta coi hành vi giết người rồi chặt thi thể ra thành nhiều mảnh để phi tang hoặc liền trước đó đã khiến nạn nhân tử vong nhưng vẫn cố tình tiếp tục tấn công gây ra những hành vi như đâm, chém, tác động hung khí... là man rợ thì nên xem xét quy định tội phạm này là “phạm tội một cách man rợ”. Vì “thực hiện tội phạm một cách man rợ” chỉ là điểm cấu thành tội phạm giết người trước khi nạn nhân tử vong. Vì “phạm tội” bao gồm cả hành vi che giấu tội phạm, còn “thực hiện tội phạm” mới chỉ mô tả những hành vi khách quan của cấu thành tội giết người.

Thứ hai, để thống nhất trong nhận thức và áp dụng pháp luật trong khi xét xử các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người một cách đúng đắn, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội thì việc hoàn thiện các quy định của pháp luật có ý nghĩa rất quan trọng. Trên thực tế, việc phân biệt ranh giới giữa các tội này phụ thuộc nhiều vào kỹ năng của thẩm phán khi nghiên cứu giải quyết án. Một số tội danh trong nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể nên việc phân biệt chủ yếu dựa vào mặt khách quan của tội phạm, nhưng vì hành vi của một số tội giống nhau nên rất dễ nhầm lẫn. Ví dụ giữa hành vi “Giết người” và hành vi “Cố ý gây thương tích”, “Giết người” với “Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” ... Đây sẽ kẻ hở dẫn đến tình trạng xử lý không đúng tính chất mức độ của hành vi phạm tội và dẫn đến bỏ lọt tội phạm. Do đó, cần quy định cụ thể và có quy định luật hoá cơ chế đánh giá yếu tố chủ quan thông qua hành vi khách quan để phân biệt các tội này.

Thứ ba, cần xác định làm rõ hành vi cấu thành tội phạm giết người, trước hết cần dựa vào định nghĩa của tội giết người. Bởi vì định nghĩa tội phạm giết người là cơ sở để cho phép phân biệt trường hợp phạm tội này với những trường hợp không phạm tội hoặc phạm tội khác. Vậy nên kiến nghị sửa đổi, bổ sung đối với Khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự 2015 từ: “1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:” thành “ 1. Người nào giết người là hành vi cố ý gây ra cái chết cho người khác một cách trái pháp luật thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:”

Thứ tư, tình tiết định khung tăng nặng “có tính chất côn đồ” về tội giết người mặc dù đã được Tòa Án Nhân Dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng, nhưng do hướng dẫn chưa cụ thể nên thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử tội phạm giết người vẫn còn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau. Để khắc phục tình trạng trên, em cho rằng chỉ nên áp dụng tình tiết định khung tăng nặng về tội giết người có tính chất côn đồ khi thỏa mãn hai điều kiện: 1 Về chủ quan, người phạm tội là người có thái độ hống hách và hung hãn trong cuộc sống. 2 Về khách quan, người phạm tội giết nạn nhân chỉ vì lý do nhỏ nhặt. Chỉ khi nào thỏa mãn hai điều kiện trên thì mới áp dụng tình tiết định khung tăng nặng giết người có tính chất côn đồ đối với người phạm tội.

***Một số đề xuất, kiến nghị hoàn thiện Điều 124. Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ (Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017)***

Tội giết con mới đẻ được quy định tại Điều 124 Bộ luật hình sự 2015 là hành vi của người mẹ do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà giết hoặc vứt bỏ con do mình đẻ ra trong 07 ngày tuổi. Với quy định tại Điều luật này, thì người thực hành tội phạm chỉ có thể là người mẹ của nạn nhân. Do vậy, nếu người bố cùng với người mẹ thực hiện hành vi giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ thì chỉ bị coi là người đồng phạm với vai trò giúp sức người mẹ về tội phạm này. Còn trường hợp, người bố thực hiện hành vi giết con mới đẻ sẽ bị xử phạt về Tội giết người với tình tiết là “Giết người dưới 16 tuổi (điểm b khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự 2015). Khi ấy mức hình phạt đối với người bố sẽ nặng hơn rất nhiều

so với người mẹ hoặc cùng với người mẹ vứt con mới đẻ. Điều này không đúng với nguyên tắc xử lý quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Bộ luật hình sự 2015 “*Mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt giới tính...*”.

Mặt khác, cũng với quy định tại khoản 2 Điều 124 Bộ luật hình sự 2015, thì người bố thực hiện hành vi (độc lập) vứt con mới đẻ sẽ không bị xử lý hình sự vì chưa có quy định trong Bộ luật hình sự.

Để khắc phục những bất cập nêu trên, đề nghị sửa đổi quy định tại Điều 124 Bộ luật hình sự 2015 về Tội giết hoặc vứt con mới đẻ như sau:

*“Điều 124. Tội giết hoặc vứt con mới đẻ.*

*1. Người **bố** mẹ nào do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà giết con do mình đẻ ra trong 07 ngày tuổi, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

*2. Người **bố** mẹ nào do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà vứt bỏ con do mình đẻ ra trong 07 ngày tuổi dẫn đến hậu quả đứa trẻ chết, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm”.*

***Một số đề xuất, kiến nghị hoàn thiện Điều 125. Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017)***

*Thứ nhất*, cần có quy định hướng dẫn cụ thể về áp dụng tình tiết định tội “trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”. Đây là điều kiện đặc biệt quan trọng là cơ sở để xác định một người có phạm tội giết người trong trạng thái tinh thần có bị kích động mạnh hay không. Việc xác định trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là một vấn đề rất phức tạp. Trạng thái tinh thần của mỗi con người là tâm lý sâu bên trong, với mỗi người thì trạng thái tinh thần là khác nhau. Từ đó, một quy định chung hướng dẫn về tinh thần trạng thái bị kích động mạnh là vấn đề không hề đơn giản.

Cùng một sự việc nhưng người này xử sự khác người kia, hoặc có người bị kích động mạnh về tinh thần những có người lại không bị kích động mạnh. Ngoài ra, thời điểm người phạm tội thực hiện hành vi giết người, cơ quan pháp luật không có ở đó, sau khi phạm tội thì trạng thái tâm lý của họ đã trở lại bình thường. Do vậy, khi xem xét hành vi giết người của người phạm tội có trong tình trạng tinh thần bị kích động mạnh hay không thì phải xem xét người bình thường ở trong hoàn cảnh phạm tội của bị cáo có thể xử sự như thế nào. Như vậy, không có “thước đo” cụ thể nào để xác định một người bị kích động hay bị kích động mạnh và để đưa ra nhận định chính xác, chúng ta phải căn cứ vào từng vụ án cụ thể, xem xét từng chi tiết của vụ án, đồng thời không thể bỏ qua các đặc điểm liên quan đến nhân thân của người phạm tội, điều kiện sống, quan hệ giữa nạn nhân và người phạm tội. BLHS 2015 ra đời đã có những sửa đổi, bổ sung phù hợp hơn, tuy nhiên cần đẩy mạnh xây dựng hệ thống án lệ liên quan đến loại tội phạm này để thống nhất trong quá trình áp dụng và xét xử vụ án. Tránh gây nên sự không thống nhất trong quan điểm xét xử, gây nên trường hợp oan sai.

*Thứ hai*, khi tiến hành xem xét, đánh giá hành vi trái pháp luật của nạn nhân, người tiến hành tố tụng cần cẩn thận, kỹ lưỡng trong việc đánh giá hành vi trái pháp luật. Hành vi trái pháp luật nghiêm trọng trước hết phải là hành vi vi phạm pháp luật, xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm và danh dự của người phạm tội hoặc người thân thích của người phạm tội. Ngoài ra, trong một số trường hợp hành vi trái pháp luật còn ảnh hưởng đến tài sản của người phạm tội. Do đó, để định tội danh của người phạm tội cần xác định hành vi trái pháp luật của nạn nhân một cách kỹ lưỡng và toàn diện trên mọi mặt. Hành vi trái pháp luật ở đây có thể chưa cấu thành tội phạm hoặc đã cấu thành tội phạm tuy nhiên hành vi trên phải là nguyên nhân trực tiếp làm cho tinh thần của người phạm tội bị kích động mạnh, dẫn đến họ không làm chủ bản thân khiến xảy ra hành vi vi phạm pháp luật.

*Thứ ba*, cần khắc phục khó khăn trong xác định ranh giới giữa tội "Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh" với một số loại tội danh khác. Đặc biệt

là tội cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh có tình tiết định khung hình phạt là “dẫn đến hậu quả chết người”. Hai loại tội này nếu chỉ dựa vào dấu hiệu chủ quan, dựa vào lỗi của người phạm tội thì rất khó phân biệt giữa hai loại tội phạm này.

***Một số đề xuất, kiến nghị hoàn thiện Điều 130. Tội bức tử (Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017)***

Tội bức tử quy định tại Điều 105 Bộ luật Hình sự năm 1985 được hướng dẫn áp dụng bởi Nghị quyết số 04-HĐTP/TANDTC/NQ ngày 29/11/1986 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự do Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao ban hành. Hiện nay, do chưa có văn bản hướng dẫn áp dụng Điều 130 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên có thể áp dụng tinh thần Nghị quyết số 04. Tuy nhiên, Nghị quyết hướng dẫn mới chỉ quy định một cách khái quát, hơn nữa đối với tội danh này Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có nhiều sửa đổi, bổ sung mới.

Chính vì vậy, để pháp luật ngày càng hoàn thiện hơn, xuất phát từ nguyên tắc “ng nghiêm trị nhưng vẫn có sự khoan hồng” đối với người phạm tội, khắc phục trường hợp bỏ lọt tội phạm do các quy định của pháp luật chưa đầy đủ, nhằm bảo đảm áp dụng pháp luật thống nhất. Trong thời gian tới, cơ quan có thẩm quyền cần ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng Điều 130 về tội "Bức tử", trong đó hướng dẫn cụ thể các hành vi ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc dẫn đến tự sát nếu hành vi đó không diễn ra thường xuyên mà chỉ diễn ra một hoặc hai lần thì áp dụng quy định nào để giải quyết?

Qua nghiên cứu, có quan điểm kiến nghị về việc tiếp tục sửa đổi, bổ sung Tội bức tử tại Điều 130 Bộ luật Hình sự đó là bỏ cụm từ “thường xuyên” trong kết cấu của điều luật; bổ sung thêm các đối tượng là người già yếu, người mắc bệnh hiểm nghèo, người ốm đau, người khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng vào điểm b khoản 2 Điều 130 Bộ luật Hình sự; bỏ điều kiện nếu bị hại là phụ nữ có thai phải

biết là đang có thai theo hướng chỉ cần quy định “Phạm tội đối với phụ nữ có thai” theo điểm b khoản 2 Điều 130 Bộ luật Hình sự. Điều luật cụ thể bao gồm các nội dung như sau:

*Điều 130. Tội bức tử*

*1. Người nào đối xử tàn ác, ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc mình làm người đó tự sát, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:*

*a) Đối với 02 người trở lên;*

*b) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 06 tháng tuổi, người già yếu, người mắc bệnh hiểm nghèo, người ốm đau, người khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng.*

***Một số đề xuất, kiến nghị hoàn thiện Điều 132. Tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng. (Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017)***

Một là, trong thời gian tới cơ quan có thẩm quyền cần có văn bản hướng dẫn cụ thể như thế nào là việc một người đang ở trong trạng thái nguy hiểm tới tính mạng để việc áp dụng pháp luật được thống nhất, tránh việc đánh giá tội phạm một cách cảm tính, chủ quan.

Hai là, theo tác giả cơ quan tiến hành tố tụng cần có hướng làm hệ quy chiếu để cơ quan tiến hành tố tụng xác định khả năng, điều kiện cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm tới tính mạng của một người bình thường đồng thời cần sửa đổi khoản 1, Điều 132 như sau: “1. Người nào thấy người khác đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, tuy có điều kiện mà không cứu giúp dẫn đến hậu quả người đó chết hoặc sẽ chết nếu không được cứu giúp kịp thời, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm”.

Do bổ sung khoản 1 như vậy thì cũng cần bổ sung khoản 3, Điều 132 như sau: “Phạm tội dẫn đến hậu quả 02 người trở lên chết hoặc sẽ chết nếu không được cứu giúp kịp thời, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm”. Việc sửa đổi, bổ sung như vậy sẽ giải quyết được vướng mắc, vì hành vi bỏ mặc người đang ở trong tình trạng nguy hiểm tới tính mạng là nguy hiểm cho xã hội nên cần phải truy cứu trách nhiệm hình sự dù nạn nhân có chết hay không chết.

Ba là, cơ quan có thẩm quyền cũng cần có hướng dẫn áp dụng trong trường hợp một người cố tình sử dụng chất kích như rượu bia, ma túy tự làm mình lâm vào tình trạng nguy hiểm tới tính mạng mà người khác biết người đó có dùng chất kích thích nhưng không biết về tình trạng nguy hiểm tới tính mạng của nạn nhân thì sẽ không bị xử lý hình sự.

### **3.2 Đề xuất các giải pháp bảo đảm thực thi nhóm tội phạm xâm phạm tính mạng con người .**

Theo Người phát ngôn Bộ Công an - Trung tướng Tô Ân Xô cho biết, thời gian tới, để tiếp tục đấu tranh, phòng chống có hiệu quả hơn với tội phạm giết người, Bộ Công an sẽ đẩy mạnh các biện pháp sau:

- Tham mưu với cấp Đảng Ủy, chính quyền giải quyết tốt những vấn đề an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm cho người lao động; nâng cao chất lượng giáo dục học đường theo hướng cân bằng, coi trọng đồng bộ giữa giáo dục văn hóa và xây dựng nền tảng đạo đức.

- Tăng cường năng lực cho lực lượng Công an cấp xã để chủ động nắm tình hình kịp thời, phát hiện, giải quyết sớm các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, nhất là mâu thuẫn về tranh chấp đất đai, vay mượn tài sản... Phát huy vai trò các tổ hòa giải, các tổ chính trị - xã hội; không để xảy ra các mâu thuẫn bức xúc, kéo dài dẫn đến giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực.

- Thực hiện tốt công tác quản lý, giáo dục đối tượng ở địa bàn dân cư, nhất là người có tiền án, tiền sự, người nghiện ma túy tại cộng đồng. Phối hợp các đơn vị chức năng đưa người mắc bệnh tâm thần vào các cơ sở điều trị, phối hợp quản lý chặt chẽ người bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

- Phối hợp các ban ngành ở địa phương đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức pháp luật cho nhân dân, nhất là pháp luật về hình sự, dân sự, hôn nhân, gia đình, phòng, chống bạo lực học đường. Chú trọng truyền thông trên các cổng thông tin đại chúng, trang mạng xã hội, hệ thống thông tin cơ sở; huy động sự tham gia của các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin, người có uy tín trong cộng đồng dân cư... để phối hợp tuyên truyền phòng ngừa tội phạm giết người.

- Đẩy mạnh công tác điều tra, xử lý các vụ án giết người, nhất là các vụ án được dư luận xã hội quan tâm, không để tồn đọng các vụ án giết người không rõ thủ phạm.  
[23]

### **3.2.1 Nâng cao trình độ, đạo đức của đội ngũ thẩm phán, cán bộ, công chức tòa án nhân dân.**

#### ***Giải pháp về giáo dục chính trị, tư tưởng.***

Đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ: Mỗi Chi bộ là hạt nhân, là tế bào cơ sở của tổ chức đảng “Chi bộ là nền móng của Đảng, chi bộ tốt thì mọi việc sẽ tốt” [24]. Do vậy, trước tiên đổi mới nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, thiết thực hơn, hiệu quả hơn. Đổi mới cả nội dung lẫn hình thức sinh hoạt nhằm nâng cao giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị cho mỗi đảng viên của chi bộ tòa án nhân dân.

Đẩy mạnh học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh: Cần gắn việc học tập này với phong trào thi đua “Nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống của đội ngũ thẩm phán, cán bộ, công chức tòa án nhân dân” do Tòa án Nhân dân tối cao phát động. Nội dung học tập phải cụ thể bằng kết quả quá trình làm việc của mỗi thẩm phán.

#### ***Giải pháp về chuyên môn, nghiệp vụ.***

Hoàn thiện thể chế, quy định: bên cạnh những quy định của Hiến pháp, Luật và các văn bản quy phạm khác, Tòa án Nhân dân tối cao đã ban hành Chỉ thị số 01/2017/CT-CA, ngày 16-01-2017, của Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao, “Về việc triển khai tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2017 của các tòa án nhân dân” và Hướng dẫn số 136/HD-TANDTC, ngày 30-3-2017, về “Công tác

tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm theo yêu cầu cải cách tư pháp”; Nghị quyết số 03/HĐTP, ngày 16-3-2017, “Về việc công bố bản án, quyết định của tòa án trên Cổng thông tin điện tử của tòa án”; Quyết định số 120/QĐ-TANDTC, ngày 19-6-2017, về “Ban hành Quy định xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp trong tòa án nhân dân”; Quyết định số 346a/2017/QĐ-TANDTC, ngày 01-3-2017, về “Ban hành Quy chế công tác kiểm tra trong tòa án nhân dân”...

Quyết định số 120/QĐ-TANDTC, ngày 19-6-2017, của Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao, quy định xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp trong tòa án là một giải pháp mạnh mẽ nhằm nâng cao năng lực và đạo đức đối với thẩm phán, thẩm tra viên và thư ký trong công tác. Đây là những quyết định, giải pháp mới, lần đầu tiên được ban hành và thực hiện trong hệ thống tòa án nhân dân. Cùng với đó, việc rút kinh nghiệm sau phiên xét xử cũng là một trong những giải pháp hiệu quả có ý nghĩa đối với thẩm phán ngay sau phiên xét xử. [25]

Tăng cường thanh tra, kiểm tra: công tác thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ là cần thiết vừa để kiểm soát quyền lực, vừa để duy trì tính nghiêm minh trong hoạt động xét xử. Không có thanh tra kiểm tra, không có quản lý, dó đó các cấp tòa án cần phối hợp thanh tra, kiểm tra thường xuyên, đột xuất, giữa kiểm tra chéo với kiểm tra cấp dưới nhằm tăng cường kỷ cương, kỷ luật công tác. Đồng thời, kết hợp khen thưởng và kỷ luật khi kiểm tra. Sau kiểm tra cần có tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm chung và hoạt động hậu kiểm.

### ***Giải pháp về tổ chức - đào tạo, bổ nhiệm.***

Tuyển chọn, bổ nhiệm thẩm phán: Mở rộng nguồn thi tuyển chọn thẩm phán một cách công khai, minh bạch, tìm đúng người giỏi, người tài, người có đạo đức, phẩm chất, tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm thẩm phán theo quy định của Luật Tổ chức tòa án nhân dân năm 2014. Khi tuyển dụng, bổ nhiệm thẩm phán phải có kế hoạch cụ thể, công khai rộng rãi để nhiều ứng viên tham gia, có nhiều sự lựa chọn người giỏi.

Đào tạo, bồi dưỡng thẩm phán: Sau khi tuyển dụng được người giỏi cần có quá trình đào tạo bài bản, chương trình phù hợp, phương thức đào tạo, bồi dưỡng có hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ, ngạch, bậc của từng người. Đào tạo, bồi dưỡng nhiều chuyên môn, lĩnh vực, bài bản về lý thuyết, gắn với thực tiễn, rèn luyện nhiều về kỹ năng, nghiệp vụ.

### ***Giải pháp về thi đua - khen thưởng.***

Khen thưởng kịp thời, tôn vinh đúng người. Đổi mới, quy chế khen thưởng phù hợp với điều kiện thực tiễn. Hiện nay số lượng các vụ án lớn, tính chất phức tạp, số lượng bị can, bị cáo đông... không chỉ gây khó khăn cho quá trình điều tra của các cơ quan có thẩm quyền, mà còn khó khăn cho quá trình xét xử của thẩm phán. Việc có những thiếu sót là khó tránh khỏi. Do đó, quy chế khen thưởng cần có những quy định cho người làm ở những ngành nghề đặc thù trong đó có thẩm phán tòa án nhân dân. Khen thưởng kịp thời sẽ tạo động lực cho thẩm phán tiếp tục rèn luyện, phấn đấu đồng thời cũng nêu gương cho đội ngũ thẩm phán.

Xử lý nghiêm các vi phạm: Đối với thẩm phán, cán bộ, công chức tòa án nhân dân mà vi phạm các quy định của pháp luật mà có tính chất cố ý thì cần có hình thức xử lý kịp thời, đúng người, đúng vi phạm tạo tính răn đe nhằm bảo vệ nghiêm chỉnh thần tượng tôn pháp luật.

### **3.2.2 Tuyên truyền pháp luật, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của công dân và phòng ngừa, đấu tranh với loại tội phạm xâm phạm tính mạng con người.**

Một xã hội chỉ văn minh, tiến bộ khi hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, khoa học, có tính khả thi và người dân hiểu biết pháp luật, tuân thủ pháp luật, biết sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Một xã hội văn minh là con người lấy pháp luật làm thước đo cho hành vi của mình, chuẩn mực pháp luật cũng sẽ là chuẩn mực đạo đức xã hội, trở thành nét văn hóa trong ứng xử, đời sống xã hội.

[26]

Trong thời gian gần đây, tình hình vi phạm tội phạm xâm phạm tính mạng của con người và xâm phạm trật tự công cộng trên địa bàn của cả nước diễn biến phức tạp, có chiều hướng gia tăng về số lượng vụ việc, số các đối tượng tham gia thực hiện và tính chất, mức độ của hành vi nguy hiểm cho xã hội; nhiều đối tượng vi phạm là trẻ vị thành niên có xu hướng gia tăng. Mặc dù, nhiều hoạt động tuyên truyền, giáo dục đã được triển khai, các biện pháp nghiệp vụ nhằm phát hiện, xử lý và đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này được thực hiện quyết liệt, song vẫn còn những tiềm ẩn phức tạp. [27]

Nguyên nhân chủ yếu của những sự việc nêu trên là do sự xuống cấp về đạo đức của một bộ phận trong xã hội và gia đình; do hiềm khích trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn cá nhân xảy ra những xung đột đáng báo động; các đối tượng đã dùng hung khí nguy hiểm, vũ khí nóng, vật liệu nổ... để thực hiện hành vi phạm tội, gây tác động xấu, ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý, đời sống của người dân, đặc biệt là trẻ em và ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương. Có một số bộ phận người dân không có ý thức chấp hành pháp luật, nhiều vụ việc xảy ra nguồn cơn ban đầu chỉ là những va chạm nhỏ nhất trong cuộc sống mà các đối tượng đã thực hiện hành vi xâm phạm tính mạng con người; hoặc do thiếu hiểu biết hay tư tưởng lạc hậu mà một số người mẹ đã giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ của mình. Vì vậy, cần có sự vào cuộc kịp thời và tích cực hơn nữa của các cơ quan chức năng để giảm bớt loại vi phạm, tội phạm này.

Để nâng cao chất lượng hiệu quả công tác phòng ngừa và đấu tranh trấn áp tội phạm nói chung và tội phạm xâm phạm tính mạng con người nói riêng, nhất là vào thời điểm cuối năm, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn của cả nước thì các cơ quan, đơn vị, tổ chức, các ban, ngành, đoàn thể, các trường học, doanh nghiệp, các tổ dân phố và toàn thể nhân dân cùng chung tay thực hiện các biện pháp phòng, ngừa tội phạm. Cụ thể:

- Tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật dưới nhiều hình thức và sâu rộng trong quần chúng nhân dân.

- Các ban ngành, đoàn thể có liên quan (Công an, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Ban Văn hóa - Thông tin...) có kế hoạch cụ thể và thường xuyên triển khai thực hiện đồng bộ về công tác tuyên truyền giáo dục để chủ động phòng, ngừa tội phạm xảy ra. Xây dựng, nhân rộng mô hình hòa giải, giải quyết các xung đột ngay từ khi mới phát sinh.

- Tăng cường công tác quản lý địa bàn, quản lý đối tượng, thường xuyên kiểm tra, nắm tình hình trong quần chúng nhân dân, kịp thời phát hiện những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân và các băng ỏ nhóm tội phạm để có biện pháp ngăn chặn kịp thời tội phạm xảy ra.

- Thông báo kịp thời các tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố để cơ quan pháp luật trên địa bàn thụ lý, khởi tố điều tra, truy tố, xét xử nghiêm minh, kịp thời nhằm răn đe phòng ngừa tội phạm.

- Chủ động phát hiện những sơ hở, thiếu sót, kịp thời kiến nghị khắc phục để công tác quản lý nhà nước tại địa phương ngày càng được nâng cao và quản lý chặt chẽ hơn.

### **3.2.3 Đề xuất những giải pháp phòng ngừa giảm thiểu tỉ lệ trẻ vị thành niên phạm tội xâm phạm tính mạng con người.**

Việc tội phạm hình sự có xu hướng trẻ hóa, tỉ lệ người phạm tội dưới 18 tuổi ngày càng tăng cho thấy mặt trái của cơ chế thị trường và sự suy giảm mối liên kết giữa các thành viên trong xã hội, sự suy giảm đạo đức xã hội. Đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thì cần có chính sách pháp luật riêng, đặc biệt là các giải pháp phòng ngừa, giáo dục. Chính sách pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội ở Việt Nam đã có những thay đổi theo hướng khoan hồng, nhân đạo hơn, tạo điều kiện cho người dưới 18 tuổi có cơ hội sửa chữa lỗi lầm phù hợp với luật pháp quốc tế, với xu hướng phát triển kinh tế xã hội, phát triển con người, đảm bảo quyền con

người, thể hiện tính nhân văn, hướng thiện và chú trọng các giải pháp phòng ngừa.  
[28]

Tuy nhiên, thời gian gần đây trường hợp người dưới 14 tuổi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội xảy ra nhưng không đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không được coi là tội phạm. Người phạm tội là người dưới 18 tuổi cũng thực hiện hành vi phạm tội rất tinh vi, côn đồ, gây ra nhiều hệ lụy cho xã hội. Trong cơ cấu tội phạm, nhóm người trẻ tuổi trở thành tội phạm ngày càng nhiều, trong đó không chỉ có những tội phạm về trật tự xã hội mà còn có những tội phạm về kinh tế, ma túy... Hiện nay trẻ vị thành niên phạm tội rất cao đặc biệt là tội giết người, cố ý gây thương tích, thường xảy ra nhiều trong môi trường học đường do chưa nhận thức được tính nghiêm minh của pháp luật.

Đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi là người dưới 18 tuổi: Người dưới 18 tuổi được xác định là người chưa thành niên, là người chưa phát triển đầy đủ về nhân cách và đạo đức. Đây là độ tuổi đang được giáo dục phổ thông, giáo dục cơ bản về nhận thức, ý thức, đạo đức trong đó có ý thức chấp hành pháp luật. Ở độ tuổi thanh thiếu niên là độ tuổi phát triển nhanh chóng về thể chất nhưng về tâm sinh lý có những bất ổn, thậm chí nổi loạn, thiếu kỹ năng kiểm soát cảm xúc dẫn đến thực hiện những hành vi có tính chất bột phát, thiếu sự điều khiển của lý trí, có thể dẫn đến hành vi phạm tội.

***Một số giải pháp góp phần khắc phục tình trạng người dưới 18 tuổi ngày càng gia tăng:***

***Giải pháp về xây dựng, áp dụng, tuyên truyền pháp luật.***

Pháp luật về trẻ em nằm ở là một hệ thống bao gồm nhiều văn bản quy phạm pháp luật như: Công ước về Quyền trẻ em, Luật trẻ em, Luật giáo dục, Bộ luật Dân sự, Luật xử lý vi phạm hành chính, Bộ luật Hình sự... và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Trong đó, có nhiều các văn bản còn mâu thuẫn, chồng chéo, những quy định còn khó thực hiện, kém hiệu quả. Bởi vậy, giải pháp phòng ngừa tội phạm, làm cơ sở đấu tranh với tội phạm là người dưới 18 tuổi thì cần phải hoàn thiện hệ thống pháp luật để quy định quyền cũng như cơ chế được thực hiện quyền của trẻ em.

Việc áp dụng pháp luật đối với người dưới 18 tuổi phạm tội phải được vận dụng, thực hiện một cách nghiêm túc, đầy đủ để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của họ. Cần phải xây dựng bộ máy tư pháp hoàn chỉnh để áp dụng các quy định đặc thù về người dưới 18 tuổi phạm tội như: Công tác cán bộ, cơ sở vật chất, cơ chế phối hợp và các chính sách để người dưới 18 tuổi phạm tội nhận thức được sai lầm của mình, có cơ hội sửa chữa giáo dục, cải tạo để trở thành những công dân tốt, sống có ích cho xã hội.

Bên cạnh các giải pháp về xây dựng, áp dụng pháp luật thì các ban, ngành, đoàn thể địa phương cần phải tăng cường tổ chức tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về các quy định của pháp luật cho đối tượng thanh, thiếu niên. Nội dung tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng, lứa tuổi, vùng, miền, dân cư, giúp các tầng lớp nhân dân hiểu được tâm lý thanh, thiếu niên để chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn tội phạm do người ở tuổi vị thành niên gây ra. Việc kịp thời tuyên truyền pháp luật tạo cơ hội tốt cho người dân tiếp cận dễ dàng, hiểu rõ hơn về thủ đoạn phạm tội, nguyên nhân phát sinh tội phạm từ đó tự xây dựng cho mình ý thức phòng ngừa trở thành nạn nhân của tội phạm cũng như hình thành các kỹ năng khác trong phòng, chống tội phạm.

***Đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục, tăng cường các biện pháp quản lý xã hội, đặc biệt là quản lý trên không gian mạng.***

Giáo dục tại nhà trường là một môi trường rất quan trọng giúp trẻ nhận thức được các giá trị của đạo đức, văn hóa và có cơ hội thực hành các kiến thức đã học. Việc giáo dục đạo đức phải kết hợp với giáo dục pháp luật và kỹ năng sống để những đứa trẻ phát triển toàn diện, không chỉ nhận thức được những kiến thức khoa học mà còn biết vận dụng, ứng xử trong đời sống xã hội. Khi trẻ em được giáo dục ý thức tôn trọng, biết sẻ chia, sống có đạo lý thì nguy cơ trở thành tội phạm sẽ giảm đi rất nhiều. Nhà nước cũng cần phải ban hành và thực hiện các quy phạm pháp luật để quản lý chặt chẽ nhà mạng, quản lý các hoạt động kinh doanh, giáo dục có liên quan đến đạo đức phải nhận thức và phát triển hình thành nhân cách của trẻ em, nghiêm cấm và xử lý kịp thời các hoạt động kinh doanh có tính bạo lực, kích động bạo lực, lôi kéo làm ảnh hưởng xấu đến sự phát triển hình thành nhân cách của trẻ em.

***Nâng cao vai trò, trách nhiệm của gia đình, nhà trường, tổ chức đoàn thể và chính quyền địa phương.***

Để phòng ngừa tình trạng tội phạm trẻ hóa, trước tiên cần đẩy mạnh giáo dục gia đình. Gia đình phải là chủ thể quan tâm giáo dục đạo đức, lối sống; kiểm soát được các mối quan hệ xã hội của chính con em mình để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hành vi lệch lạc, sai trái. Bên cạnh đó, gia đình phải bồi dưỡng, giáo dục cho người chưa thành niên nhận thức đúng và có hành vi chuẩn mực, có kiến thức pháp luật.

Nhà trường cần tổ chức các biện pháp quản lý khoa học, chặt chẽ đối với học sinh; nâng cao vai trò, trách nhiệm của giáo viên trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong nhà trường và phải có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa nhà trường với gia đình trong việc trao đổi thông tin để cùng quản lý giáo dục các em phát triển toàn diện.

Mặt trận Tổ quốc, Tổ dân phố, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Ủy ban nhân dân cấp xã phường,.. cần nắm bắt tình hình, kịp thời hỗ trợ, giúp đỡ và bảo vệ trẻ khi trẻ bị xâm hại đến quyền, ảnh hưởng đến sự phát triển và hình thành nhân cách của trẻ. Bên cạnh đó, các tổ chức đoàn thể, chính quyền địa phương cũng cần có sự quan tâm tạo ra các sân chơi lành mạnh để hướng các em vào một môi trường tốt, tránh xa các tệ nạn xã hội...

***Vấn đề giải quyết công ăn việc làm, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người dân.***

Trẻ em sống trong môi trường gia đình là môi trường tốt nhất, an toàn nhất để phát triển và hình thành nhân cách. Bởi vậy, để có một môi trường tốt thì gia đình phải đảm bảo về điều kiện kinh tế, văn hóa. Các giải pháp về kinh tế, hỗ trợ việc làm, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người dân sẽ góp phần tạo ra một môi trường an toàn, lành mạnh cho trẻ em. Khi đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển thì trẻ em có nhiều cơ hội phát triển bản thân hơn. Việc xây dựng một cộng đồng xã hội có nền tảng văn hóa, kinh tế phát triển, con người có tri thức và hiểu biết sẽ tạo ra môi trường an toàn, lành mạnh để trẻ em phát triển và hình thành nhân cách tốt.

### **Tiểu kết Chương 3**

Ở chương cuối cùng này, thứ nhất sinh viên nghiên cứu nội dung hoàn thiện hệ thống pháp luật và nêu ra một số đề xuất, kiến nghị hoàn thiện một số Điều trong nhóm tội xâm phạm tính mạng con người. Thứ hai, sinh viên nêu ý kiến về việc nâng cao trình độ, đạo đức của những người thực thi công lý; ra sức rèn luyện phẩm chất đạo đức theo tấm gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh; trung thành, tin tưởng tuyệt đối vào đường lối và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn và lý luận chính trị; phối hợp chặt chẽ với các ngành, các cấp; nỗ lực phấn đấu, ra sức thi đua yêu nước; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ công lý, xây dựng tòa án trong sạch, vững mạnh toàn diện; góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và đổi mới đất nước, củng cố nền pháp chế, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh và tiến bộ. Thứ ba, sinh viên đề xuất một số giải pháp phòng ngừa trẻ vị thành niên phạm tội tăng cao cũng như cần tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho người dân để nâng cao ý thức pháp luật trong cộng đồng.

## KẾT LUẬN

Nhóm tội xâm phạm tính mạng con người có tính nguy hiểm cho xã hội cao, trước khi có Bộ luật hình sự thì các tội danh này đã được quy định rất sớm trong hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam.

Trên cơ sở nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam về nhóm các tội xâm phạm tính mạng con người, chúng ta có thể thấy quy định về nhóm tội phạm này ngày càng hoàn thiện. Bộ luật hình sự 2015 đã được xây dựng trên cơ sở kế thừa những kinh nghiệm lập pháp của cha ông ta. Kế thừa đầy đủ những văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục phù hợp với truyền thống lâu đời của dân tộc ta lại còn mang tính sáng tạo, đổi mới phù hợp với xu thế phát triển và hội nhập của đất nước.

Trong giai đoạn hiện nay, khi đất nước ta đang đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân. Quyền con người mà nhất là quyền bất khả xâm phạm về tính mạng con người luôn được Hiến pháp và pháp luật bảo vệ. Nhóm các tội xâm phạm tính mạng con người luôn có ảnh hưởng và tác động rất lớn đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương và tác động rất lớn đến tâm lý nhân dân cũng như toàn xã hội.

Qua nghiên cứu, em đã làm rõ được các vấn đề lý luận và thực tiễn của nhóm các tội xâm phạm tính mạng con người, cũng như đã phân tích và làm rõ được những quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về nhóm tội xâm phạm tính mạng con người. Việc nghiên cứu nhóm tội phạm xâm phạm tính mạng con người từ đó tìm ra những hạn chế, vướng mắc cần khắc phục trong quá trình áp dụng pháp luật để đề ra các giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về nhóm tội xâm phạm tính mạng con người góp phần nâng cao chất lượng xét xử, bảo vệ công lý vững mạnh trên cả nước.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Thị Oanh, Giáo trình luật hình sự Việt Nam phần các tội phạm – NXB Giáo dục Việt Nam. (tr.09)
2. Hoàng Lê Khánh Linh (2024), Dấu hiệu pháp lý các tội xâm phạm tính mạng con người, Công ty Luật Minh Khuê. (tr.14)
3. Trần Thị Minh Hiền (2023), Pháp luật – Nghiệp vụ một số lưu ý đối với kiểm sát viên khi xác định tội danh. Tạp chí điện tử kiểm sát. (tr.15)
4. Phạm Quang Thành (2022), Luận văn Thạc sĩ Tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam. Trường Đại học Luật Hà Nội. (tr.18,40)
5. Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.
6. Phạm Việt Hùng (2015), Sự phát triển đổi mới và các định hướng hoàn thiện Bộ luật hình sự Việt Nam – Cổng thông tin điện tử Viện Kiểm Sát Nhân Dân tỉnh Tuyên Quang. (tr.30)
7. Đinh Văn Quế (2006), Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999 phần các tội phạm, tập 1, NXB TP. HCM (tr.31)
8. Vũ Gia Hân (2014), Luận văn Thạc sĩ Các tội xâm phạm tính mạng của con người trong Quốc triều hình luật và sự kế thừa trong Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành. Đại học Quốc gia Hà Nội. (tr.32)
9. Phạm Xuân Thụy, K2-T04 (2021), Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người trong Bộ luật hình sự năm 2015. Trường Đại học An ninh nhân dân. (tr.33)
10. Đỗ Đức Hồng Hà – Ngô Duy Thi, Bình luận tội giết người theo Bộ luật hình sự năm 2015. Tạp chí Kiểm sát số 13/2018. (tr.38)
11. Hỏi đáp pháp luật 18/01/2019, Cấu thành tội phạm của tội giết người. Thư viện pháp luật, TP. HCM. (tr.39)
12. Công ty Luật Dương Gia (2024), Các dấu hiệu định khung tăng nặng Tội giết người. TP. Hà Nội. (tr.41,42,43,45)
13. Đoàn Phước Hòa – Tòa án Quân sự khu vực Quân khu 7, Bàn về Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ. Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử. (tr.51)

14. Lawnet Ngân hàng pháp luật (2019), Cấu thành tội phạm của Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Thư viện pháp luật. (tr.54)
15. Công ty Luật Minh Anh, tư vấn trực tuyến Quy định về tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. (tr.58)
16. Tiêu Dao (2019), Tìm hiểu nội dung Điều 127 Bộ luật hình sự năm 2015. Cổng thông tin điện tử Công an tỉnh Quảng Bình. (tr.60)
17. Công ty Luật Thịnh Trí (2022), Bàn về Tội vô ý làm chết người. TP. HCM. (tr.60)
18. Công ty Luật Trần và Liên danh, Tư vấn trực tuyến Cấu thành tội phạm của Điều 131 Bộ luật hình sự năm 2015. TP. Hà Nội. (tr.67)
19. Nguyễn Tiên Nam (2023), Bàn về định tội danh giết người theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam. Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật kỳ 1 (số 384), tháng 7/2023. (tr.74)
20. Nguyễn Phi Hùng – Tòa án Quân sự Quân khu 4 (2022), Bàn về Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh Bộ luật hình sự năm 2015. Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam. (tr.76)
21. Phùng Hoàng – Tòa án Quân sự Quân khu 1 (2022), Tội bức tử theo quy định của Bộ luật hình sự. Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam. (tr.78)
22. Vũ Việt Phương – Tòa án Quân sự khu vực Quân khu 1 (2023), Một số vướng mắc khi áp dụng Điều 132 Bộ luật hình sự năm 2015. Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam. (tr.80)
23. Cổng thông tin điện tử Bộ Công an – Biện pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm giết người. (tr.89)
24. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 14, NXB Chính trị Quốc gia 2011. (tr.89)
25. Lưu Đức Điệp – Học viện tòa án, Nghiên cứu khoa học Nâng cao đạo đức cho đội ngũ thẩm phán đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị hiện nay. (tr.90)
26. Lê Minh Hoàng (2021), Nâng cao ý thức pháp luật của người dân – Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam. (tr.91)

27. Cổng thông tin điện tử phường Hà Cầu, quận Hà Đông, tp. Hà Nội – Phòng ngừa tội phạm xâm phạm tính mạng của con người và xâm phạm trật tự công cộng trên địa bàn. (tr.92)
28. Đặng Văn Cường (2021), Nguyên nhân tội phạm ngày càng trẻ hóa – Cổng thông tin điện tử Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tối Cao. (tr.94)